



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/ĐA-UBND

Bình Định, ngày 29 tháng 4 năm 2025

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2025**

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025 như sau:

**Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
3. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;
4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;
5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;
6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;
7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;
8. Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

9. Căn cứ Kết luận số 493-KL/TU ngày 17/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) tại Hội nghị lần thứ 92; Kết luận số 497-KL/TU ngày 21/4/2025 và Kết luận số 505-KL/TU ngày 26/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

10. Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Định năm 2025.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH BÌNH BÌNH

Quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Định diễn ra qua nhiều giai đoạn, việc hình thành các đơn vị hành chính mới đã thúc đẩy sự phát triển về kinh tế - xã hội, hạ tầng cơ sở, quản lý của bộ máy nhà nước, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội và đời sống của người dân được bảo đảm. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, do yêu cầu quá trình đô thị hóa các vùng nông thôn đã thành lập mới các đơn vị hành chính đô thị nhằm xây dựng mô hình tổ chức chính quyền phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh.

Thực tế cho thấy, các đơn vị hành chính sau khi chia, tách, thành lập mới, được tập trung quan tâm đầu tư đúng hướng, phát huy được thế mạnh của địa phương, kinh tế - xã hội các đơn vị hành chính sau thành lập phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp xã (giai đoạn trước năm 2015) đã dẫn đến một số bất cập và hạn chế như: Việc tăng số lượng đơn vị hành chính cấp xã; tăng biên chế cán bộ, công chức, viên chức; tăng chi ngân sách nhà nước do tăng biên chế và quỹ tiền lương, xây dựng trụ sở, mua sắm trang thiết bị và tăng chi thường xuyên. Việc tăng số lượng đơn vị hành chính cũng gây ra nhiều khó khăn trong công tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phân tán các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội,

Trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hóa và triển khai thực hiện qua môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng năng suất và hiệu quả công việc. Nhiều công việc trung gian được thay thế bằng hệ thống phần mềm điện tử, giúp vận hành hiệu quả hơn mà không cần nhiều tổ chức hành chính và biên chế.

Từ các căn cứ nêu trên, thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 60-NQ-TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai thực hiện nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ

thống chính trị; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thì việc xây dựng “Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Định năm 2025” là cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

1. Diện tích tự nhiên: 6.066,4 km².
2. Quy mô dân số 1.813.101 người.
3. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện 11 đơn vị gồm: 08 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố.
4. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã 155 đơn vị gồm: 115 xã; 28 phường; 12 thị trấn (*Trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Bình Định đã thực hiện sắp xếp 06 phường thuộc thành phố Quy Nhơn thành 02 phường*).

II. SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp: 154 đơn vị.
2. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã không thực hiện sắp xếp: 01 đơn vị do có yếu tố đặc thù (*Xã Nhơn Châu thuộc thành phố Quy Nhơn*).

Giải trình yếu tố đặc thù: Nhơn Châu là xã đảo, có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thành lập **Phường Quy Nhơn** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,70 km², quy mô dân số là 18.137 người của phường Hải Cảng; toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,94 km², quy mô dân số là 35.585 người của phường Thị Nại; toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,32 km², quy mô dân số là 38.298 người của phường Trần Phú và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,82 km², quy mô dân số là 37.306 người của phường Đống Đa thuộc thành phố Quy Nhơn hiện nay.

a) *Kết quả sắp xếp:*

- Phường Quy Nhơn có diện tích tự nhiên là 21,78 km² (đạt 396% so với quy định), quy mô dân số là 129.326 người (đạt 616% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Phường Quy Nhơn Nam, phường Quy Nhơn Bắc, phường Quy Nhơn Đông và Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Quy Nhơn: Trụ sở Thành ủy Quy Nhơn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các phường này có vị trí liên kề, dân cư phân bố tương đối đồng đều, điều kiện tự nhiên và đặc điểm phát triển kinh tế xã hội có nhiều điểm tương đồng, thuận lợi cho việc hợp nhất và tổ chức lại bộ máy hành chính.

2. Thành lập Phường Quy Nhơn Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 40,23 km², quy mô dân số là 5.336 người của xã Nhơn Hội; toàn bộ diện tích tự nhiên là 14,95 km², quy mô dân số là 10.378 người của xã Nhơn Lý; toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,15 km², quy mô dân số là 6.134 người của xã Nhơn Hải và toàn bộ diện tích tự nhiên là 14,63 km², quy mô dân số là 25.219 người của phường Nhơn Bình thuộc thành phố Quy Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường Quy Nhơn Đông có diện tích tự nhiên là 81,97 km² (đạt 1.490% so với quy định), quy mô dân số là 47.067 người (đạt 224% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Phường Quy Nhơn, phường Quy Nhơn Bắc, xã Tuy Phước, xã Tuy Phước Đông, xã Ngô Mây và Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Quy Nhơn Đông: Xã Nhơn Hội hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các phường, xã này có vị trí liên kề, có sự tương đồng về điều kiện địa lý, đặc điểm dân cư, trên địa bàn tập trung nhiều Khu Công nghiệp, Khu kinh tế, dự kiến sẽ đặt Trung tâm hành chính mới của tỉnh, là động lực phát triển cho khu vực và trọng điểm phát triển kinh tế, xã hội của vùng.

3. Thành lập Phường Quy Nhơn Tây trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 50,00 km², quy mô dân số là 17.819 người của phường Bùi Thị Xuân; toàn bộ diện tích tự nhiên là 68,63 km², quy mô dân số là 7.040 người của xã Phước Mỹ thuộc thành phố Quy Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường Quy Nhơn Tây có diện tích tự nhiên là 118,63 km² (đạt 2.157% so với quy định), quy mô dân số là 24.859 người (đạt 118% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Phường Quy Nhơn Nam, phường Quy Nhơn Bắc, xã Vân Canh, xã Canh Vinh, xã Tuy Phước Tây và tỉnh Phú Yên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Quy Nhơn Tây: Phường Bùi Thị Xuân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các phường, xã này có vị trí liền kề, dân cư phân bố tương đối đồng đều, điều kiện tự nhiên và đặc điểm phát triển kinh tế xã hội có nhiều điểm tương đồng, trên địa bàn tập trung nhiều khu công nghiệp như: Khu Công nghiệp Long Mỹ, Khu Công nghiệp Phú Tài, Cụm Công nghiệp Bùi Thị Xuân thuận lợi cho việc hợp nhất và tổ chức lại bộ máy hành chính.

4. Thành lập Phường Quy Nhơn Nam trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,24 km², quy mô dân số là 22.715 người của phường Ngô Mỹ; toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,43 km², quy mô dân số là 17.870 người của phường Nguyễn Văn Cừ; toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,56 km², quy mô dân số là 21.594 người của phường Quang Trung và toàn bộ diện tích tự nhiên là 26,13 km², quy mô dân số là 11.117 người của phường Ghềnh Ráng thuộc thành phố Quy Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường Quy Nhơn Nam có diện tích tự nhiên là 36,36 km² (đạt 661% so với quy định), quy mô dân số là 73.296 người (đạt 349% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phường Quy Nhơn Tây, phường Quy Nhơn Bắc, phường Quy Nhơn, Biển Đông và tỉnh Phú Yên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Quy Nhơn Nam: Phường Nguyễn Văn Cừ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các phường này có vị trí liền kề, dân cư phân bố tương đối đồng đều, điều kiện tự nhiên và đặc điểm phát triển kinh tế xã hội có nhiều điểm tương đồng, thuận lợi cho việc hợp nhất và tổ chức lại bộ máy hành chính.

5. Thành lập Phường Quy Nhơn Bắc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,89 km², quy mô dân số là 21.872 người của phường Trần Quang Diệu; toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,81 km², quy mô dân số là 23.874 người của phường Nhơn Phú thuộc thành phố Quy Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường Quy Nhơn Bắc có diện tích tự nhiên là 23,70 km² (đạt 431% so với quy định), quy mô dân số là 45.746 người (đạt 218% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phường Quy Nhơn Nam, phường Quy Nhơn, phường Quy Nhơn Đông, phường Quy Nhơn Tây, xã Tuy Phước Tây và xã Tuy Phước.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Quy Nhơn Bắc: Phường Nhơn Phú hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các phường này có vị trí liền kề, dân cư phân bố tương đối đồng đều, điều kiện tự nhiên và đặc điểm phát triển kinh tế xã hội có nhiều điểm tương đồng, thuận lợi cho việc hợp nhất và tổ chức lại bộ máy hành chính.

6. Thành lập Xã Nhơn Châu trên cơ sở giữ nguyên toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,62 km², quy mô dân số là 2.350 người của xã Nhơn Châu thuộc thành phố Quy Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Nhơn Châu có diện tích tự nhiên là 3,62 km² (đạt 60% so với quy định), quy mô dân số là 2.350 người (đạt 73% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã đảo, tứ cận giáp với Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nhơn Châu: Xã Nhơn Châu hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Giữ nguyên xã đảo Nhơn Châu thuộc thành phố Quy Nhơn hiện nay, do có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề, việc không thực hiện sáp nhập đảm bảo tính ổn định trong tổ chức bộ máy hành chính và phù hợp với đặc điểm đặc thù của địa phương.

7. Thành lập Phường Bình Định trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,06 km², quy mô dân số là 21.197 người của phường Bình Định; toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,65 km², quy mô dân số là 9.895 người của xã Nhơn Khánh và toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,45 km², quy mô dân số là 11.676 người của xã Nhơn Phúc thuộc thị xã An Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

Phường Bình Định có diện tích tự nhiên là 25,16 km² (đạt 457% so với quy định); quy mô dân số là 42.768 người (đạt 204% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phường An Nhơn, xã An Nhơn Tây, phường An Nhơn Nam, phường An Nhơn Đông, xã Tây Sơn, xã Bình An và xã Tuy Phước Bắc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Bình Định: Phường Bình Định hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên. Các phường, xã có vị trí tiếp giáp trực tiếp, dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, có nhiều điểm tương đồng về kinh tế xã hội và văn hóa. Việc sắp xếp giúp hình thành đơn vị hành chính đô thị có quy mô lớn hơn, tạo thuận lợi trong công tác quy hoạch, quản lý dân cư và thu hút đầu tư.

8. Thành lập Phường An Nhơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,05 km², quy mô dân số là 20.631 người của phường Đập Đá; toàn bộ diện tích tự

nhiên là 17,29 km², quy mô dân số là 13.081 người của xã Nhơn Mỹ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,28 km², quy mô dân số là 15.696 người của xã Nhơn Hậu thuộc thị xã An Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường An Nhơn có diện tích tự nhiên là 34,62 km² (đạt 629% so với quy định); quy mô dân số là 49.408 người (đạt 235% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phường An Nhơn Bắc, phường An Nhơn Đông, phường Bình Định, xã Bình Hiệp, xã Bình An và xã Phù Cát.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường An Nhơn: Phường Đập Đá hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên. Ba xã, phường có vị trí tiếp giáp, có sự tương đồng về điều kiện địa lý, đặc điểm dân cư và định hướng phát triển đô thị, nên việc sắp xếp không làm ảnh hưởng đến tính ổn định và sự phát triển của địa phương. Trên địa bàn có nhiều làng nghề truyền thống, phát triển mạnh tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ; định hướng là khu vực phát triển phía Bắc của vùng.

9. Thành lập Phường An Nhơn Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,30 km², quy mô dân số là 14.705 người của phường Nhơn Hưng; toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,92 km², quy mô dân số là 11.738 người của xã Nhơn An thuộc thị xã An Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường An Nhơn Đông có diện tích tự nhiên là 17,21 km² (đạt 313% so với quy định); quy mô dân số là 26.443 người (đạt 126% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phường Bình Định, phường An Nhơn, phường An Nhơn Bắc và xã Tuy Phước Bắc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường An Nhơn Đông: Phường Nhơn Hưng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã, phường này có vị trí liền kề, dân cư phân bố tương đối đồng đều, điều kiện tự nhiên và đặc điểm phát triển kinh tế xã hội có nhiều điểm tương đồng, thuận lợi cho việc hợp nhất và tổ chức lại bộ máy hành chính.

10. Thành lập Xã An Nhơn Tây trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,27 km², quy mô dân số là 10.456 người của xã Nhơn Lộc và toàn bộ diện tích tự nhiên là 63,23 km², quy mô dân số là 9.722 người của xã Nhơn Tân thuộc thị xã An Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã An Nhơn Tây có diện tích tự nhiên là 75,5 km² (đạt 252% so với quy định); quy mô dân số là 20.178 người (đạt 126% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phường An Nhơn Nam, phường Bình Định, xã Tây Sơn, xã Canh Liên và xã Canh Vinh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã An Nhơn Tây: Xã Nhơn Lộc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các địa phương này có vị trí tiếp giáp tự nhiên, có sự tương đồng về điều kiện địa lý, phong tục tập quán, sinh hoạt cộng đồng và xu hướng phát triển kinh tế xã hội, thuận lợi trong việc tổ chức sáp nhập và điều hành sau sắp xếp. Trên địa bàn có Cụm công nghiệp Nhơn Tân, Nhơn Tân 1. Ngoài ra, việc liên kết giữa các địa bàn được bảo đảm thông qua hệ thống giao thông hiện hữu tạo thuận lợi cho công tác quản lý hành chính, đảm bảo phục vụ tốt hơn đời sống người dân, đồng thời phát huy tiềm năng phát triển vùng.

11. Thành lập Phường An Nhơn Nam trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 28,01 km², quy mô dân số là 21.022 người của phường Nhơn Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 32,03 km², quy mô dân số là 10.629 người của xã Nhơn Thọ thuộc thị xã An Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường An Nhơn Nam có diện tích tự nhiên là 60,05 km² (đạt 1.092% so với quy định); quy mô dân số là 31.651 người (đạt 151% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phường Bình Định, xã An Nhơn Tây, xã Tuy Phước Tây, xã Tuy Phước, xã Tuy Phước Bắc và xã Canh Vinh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường An Nhơn Nam: Phường Nhơn Hòa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã được sắp xếp có vị trí tiếp giáp, dân cư ổn định, tập quán sinh hoạt và điều kiện phát triển kinh tế xã hội tương đồng, thuận tiện trong việc tổ chức lại đơn vị hành chính và bố trí lại nguồn lực. Song song đó, khu vực này có hệ thống hạ tầng giao thông khá phát triển, với các tuyến đường như QL19, ĐT638 và các trục liên xã đóng vai trò kết nối quan trọng, góp phần đảm bảo việc lưu thông thuận lợi giữa các khu vực sau sáp nhập; mặt khác trên địa bàn tập trung nhiều Cụm công nghiệp như Cụm công nghiệp Nhơn Hòa, Cụm công nghiệp Bình Định. Điều này không chỉ hỗ trợ công tác quản lý hành chính mà còn tạo đà thúc đẩy phát triển nông nghiệp, thương mại dịch vụ và cải thiện đời sống người dân trên địa bàn.

12. Thành lập Phường An Nhơn Bắc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,76 km², quy mô dân số là 17.018 người của phường Nhơn Thành; toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,20 km², quy mô dân số là 9.874 người của xã Nhơn Phong và toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,99 km², quy mô dân số là 11.592 người của xã Nhơn Hạnh thuộc thị xã An Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường An Nhơn Bắc có diện tích tự nhiên là 31,95 km² (đạt 581% so với quy định); quy mô dân số là 38.484 người (đạt 183% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phường An Nhơn, phường An Nhơn Đông, xã Tuy Phước Bắc, xã Tuy Phước Đông, xã Phù Cát, xã Xuân An và xã Ngô Mỹ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường An Nhơn Bắc: Xã Nhơn Phong hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các đơn vị hành chính này có vị trí tiếp giáp, liên kết chặt chẽ về kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật và đời sống dân cư, tạo thuận lợi cho công tác điều hành, quản lý và phát triển đô thị sau khi phường mới được thành lập.

13. Thành lập Phường Bồng Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 17,39 km², quy mô dân số là 23.546 người của phường Bồng Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 63,72 km², quy mô dân số là 17.889 người của phường Hoài Đức thuộc thị xã Hoài Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường Bồng Sơn có diện tích tự nhiên là 81,11 km² (đạt 1.475% so với quy định); quy mô dân số là 41.435 người (đạt 197% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phường Hoài Nhơn Nam, phường Hoài Nhơn Đông, xã Vạn Đức, xã Ân Hảo, xã Hoài Ân và xã Phù Mỹ Bắc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Bồng Sơn: Phường Bồng Sơn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Hai đơn vị này có vị trí địa lý giáp ranh, gần bó chặt chẽ về mặt cộng đồng dân cư, sinh hoạt văn hóa và hoạt động kinh tế xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp nhất về tổ chức hành chính và phát triển đồng bộ sau sắp xếp. Đặc biệt, hệ thống giao thông tại khu vực này khá đồng bộ, với trục ĐT638, ĐT629 đi qua địa bàn phường Bồng Sơn và kết nối trực tiếp với các tuyến đường liên xã, góp phần tăng cường tính liên thông trong quản lý, thúc đẩy giao thương và nâng cao chất lượng phục vụ người dân sau khi xã mới được thành lập.

14. Thành lập Phường Hoài Nhơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 16,56 km², quy mô dân số là 14.924 người của phường Hoài Thanh; toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,22 km², quy mô dân số là 15.035 người của phường Tam Quan Nam và toàn bộ diện tích tự nhiên là 14,54 km², quy mô dân số là 13.208 người của phường Hoài Thanh Tây thuộc thị xã Hoài Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường Hoài Nhơn có diện tích tự nhiên là 40,32 km² (đạt 733% so với quy định); quy mô dân số là 43.167 người (đạt 206% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Phường Hoài Nhơn Nam, phường Hoài Nhơn Đông, phường Hoài Nhơn Tây, phường Tam Quan, phường Hoài Nhơn Bắc và Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Hoài Nhơn: Phường Hoài Thanh Tây hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các địa phương này có vị trí tiếp giáp, tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa xã hội và định hướng phát triển kinh tế, thuận lợi trong tổ chức bộ máy hành chính thống nhất.

15. Thành lập Phường Tam Quan trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,22 km², quy mô dân số là 14.097 người của phường Tam Quan và toàn bộ diện tích tự nhiên là 22,60 km², quy mô dân số là 10.761 người của xã Hoài Châu thuộc thị xã Hoài Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường Tam Quan có diện tích tự nhiên là 29,82 km² (đạt 542% so với quy định); quy mô dân số là 24.858 người (đạt 118% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Phường Hoài Nhơn, phường Hoài Nhơn Tây, phường Hoài Nhơn Bắc, xã An Hòa và xã An Lão.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Tam Quan: Phường Tam Quan hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Hai xã có vị trí địa lý liên kề, điều kiện tự nhiên tương đồng, đời sống cộng đồng gắn bó và hoạt động sản xuất chủ yếu là nông nghiệp. Việc sắp xếp không chỉ góp phần củng cố hệ thống hành chính cơ sở mà còn tận dụng tốt hạ tầng giao thông sẵn có, đảm bảo sự kết nối đồng bộ trong quản lý, phát triển kinh tế và phục vụ đời sống Nhân dân.

16. Thành lập Phường Hoài Nhơn Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,74 km², quy mô dân số là 20.410 người của phường Hoài Hương; toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,70 km², quy mô dân số là 8.307 người của xã Hoài Hải và toàn bộ diện tích tự nhiên là 48,92 km², quy mô dân số là 15.917 người của xã Hoài Mỹ thuộc thị xã Hoài Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường Hoài Nhơn Đông có diện tích tự nhiên là 64,36 km² (đạt 1.170% so với quy định); quy mô dân số là 44.634 người (đạt 213% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Phường Bồng Sơn, phường Hoài Nhơn Nam, phường Hoài Nhơn, xã Phù Mỹ Bắc và Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Hoài Nhơn Đông: Phường Hoài Hương hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành

chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; 03 xã, phường có địa giới tiếp giáp, dân cư sinh sống gắn bó lâu đời, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa xã hội và cơ cấu sản xuất, trên địa bàn có Cụm công nghiệp Hoài Hương, quy hoạch Khu công nghiệp Hoài Mỹ, kinh tế biển là động lực phát triển của vùng.

17. Thành lập Phường Hoài Nhơn Tây trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 37,64 km², quy mô dân số là 15.159 người của phường Hoài Hảo và toàn bộ diện tích tự nhiên là 40,51 km², quy mô dân số là 10.413 người của xã Hoài Phú thuộc thị xã Hoài Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường Hoài Nhơn Tây có diện tích tự nhiên là 78,15 km² (đạt 1.421% so với quy định); quy mô dân số là 25.572 người (đạt 122% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phường Hoài Nhơn Nam, phường Hoài Nhơn, phường Tam Quan, xã An Hòa và xã Ân Hảo.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Hoài Nhơn Tây: Phường Hoài Hảo hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Đồng thời 02 đơn vị với đường giáp ranh nổi dài, có sự tương đồng về các yếu tố truyền thống, xã hội sẽ thuận lợi cho công tác quy hoạch, sử dụng đất đai, phát triển nông nghiệp và dịch vụ, giúp quy hoạch giao thông nông thôn đồng bộ hơn, không bị chia cắt.

18. Thành lập Phường Hoài Nhơn Nam trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 27,59 km², quy mô dân số là 21.759 người của phường Hoài Tân và toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,08 km², quy mô dân số là 10.948 người của phường Hoài Xuân thuộc thị xã Hoài Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường Hoài Nhơn Nam có diện tích tự nhiên là 37,67 km² (đạt 685% so với quy định); quy mô dân số là 32.707 người (đạt 156% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phường Bồng Sơn, phường Hoài Nhơn Đông, phường Hoài Nhơn, phường Hoài Nhơn Tây và xã Ân Hảo.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Hoài Nhơn Nam: Phường Hoài Tân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Hệ thống giao thông kết nối giữa hai xã cơ bản đồng bộ, với các tuyến đường liên xã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, lưu thông hàng hóa, phục vụ đời sống người dân và phát triển kinh tế xã hội sau sáp nhập.

19. Thành lập Phường Hoài Nhơn Bắc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự

nhiên là 7,59 km², quy mô dân số là 21.741 người của phường Tam Quan Bắc; toàn bộ diện tích tự nhiên là 59,37 km², quy mô dân số là 11.733 người của xã Hoài Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 22,49 km², quy mô dân số là 11.107 người của xã Hoài Châu Bắc thuộc thị xã Hoài Nhơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Phường Hoài Nhơn Bắc có diện tích tự nhiên là 89,45 km² (đạt 1.626% so với quy định); quy mô dân số là 44.581 người (đạt 212% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Phường Hoài Nhơn, phường Tam Quan, xã An Lão và tỉnh Quảng Ngãi.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Hoài Nhơn Bắc: Phường Tam Quan Bắc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; 03 xã, phường có địa giới tiếp giáp, dân cư sinh sống gần bó lâu đời, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa xã hội và cơ cấu sản xuất.

20. Thành lập Xã Phù Cát trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,60 km², quy mô dân số là 14.854 người của thị trấn Ngô Mây; toàn bộ diện tích tự nhiên là 48,39 km², quy mô dân số là 17.310 người của xã Cát Trinh và toàn bộ diện tích tự nhiên là 27,97 km², quy mô dân số là 19.272 người của xã Cát Tân thuộc huyện Phù Cát hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Phù Cát có diện tích tự nhiên là 83,96 km² (đạt 280% so với quy định); quy mô dân số là 51.436 người (đạt 321% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Xuân An, xã Cát Tiến, xã Đề Gi, xã Hòa Hội, xã Bình Hiệp, phường An Nhơn Bắc và phường An Nhơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phù Cát: Thị trấn Ngô Mây hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các địa phương này có vị trí tiếp giáp, tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa xã hội, là vùng lõi đô thị của vùng, trên địa bàn tập trung nhiều khu công nghiệp, định hướng phát triển kinh tế, thuận lợi trong tổ chức bộ máy hành chính thống nhất. Hệ thống giao thông kết nối giữa hai xã cơ bản đồng bộ, với các tuyến đường liên xã và trục ĐT638, ĐT635 tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, lưu thông hàng hóa, phục vụ đời sống người dân và phát triển kinh tế xã hội sau sáp nhập.

21. Thành lập Xã Xuân An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 38,65 km², quy mô dân số là 11.429 người của xã Cát Nhơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 28,95 km², quy mô dân số là 19.073 người của xã Cát Tường thuộc huyện Phù Cát hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Xuân An có diện tích tự nhiên là 67,61 km² (đạt 225% so với quy định); quy mô dân số là 30.502 người (đạt 191% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Phù Cát, xã Ngô Mỹ, xã Cát Tiến và phường An Nhơn Bắc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Xuân An: Xã Cát Tường hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Hai xã này có vị trí liền kề, dân cư phân bố tương đối đồng đều, điều kiện tự nhiên và đặc điểm phát triển kinh tế xã hội có nhiều điểm tương đồng, thuận lợi cho việc hợp nhất và tổ chức lại bộ máy hành chính.

22. Thành lập Xã Ngô Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 41,11 km², quy mô dân số là 9.024 người của xã Cát Hưng; toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,57 km², quy mô dân số là 8.910 người của xã Cát Thắng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,74 km², quy mô dân số là 7.717 người của xã Cát Chánh thuộc huyện Phù Cát hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Ngô Mỹ có diện tích tự nhiên là 61,42 km² (đạt 205% so với quy định); quy mô dân số là 25.651 người (đạt 160% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Xuân An, xã Cát Tiến, xã Tuy Phước Đông, phường An Nhơn Bắc, phường Quy Nhơn Đông và Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Ngô Mỹ: Xã Cát Hưng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã này có ranh giới liền kề, gắn kết tự nhiên trong không gian địa lý và có điểm tương đồng về sinh hoạt cộng đồng, sản xuất nông nghiệp. Việc sắp xếp không chỉ tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức bộ máy hành chính mà còn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực địa phương. Đồng thời, các tuyến giao thông hiện hữu như QL19B, ĐT640 và các trục đường liên xã đóng vai trò là cầu nối quan trọng, bảo đảm tính liên thông trong phát triển hạ tầng và phục vụ người dân sau sáp nhập.

23. Thành lập Xã Cát Tiến trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 17,64 km², quy mô dân số là 15.172 người của thị trấn Cát Tiến; toàn bộ diện tích tự nhiên là 41,76 km², quy mô dân số là 10.461 người của xã Cát Thành và toàn bộ diện tích tự nhiên là 43,96 km², quy mô dân số là 7.890 người xã Cát Hải thuộc huyện Phù Cát hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Cát Tiến có diện tích tự nhiên là 103,36 km² (đạt 345% so với quy định); quy mô dân số là 33.523 người (đạt 210% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Phù Cát, xã Xuân An, xã Ngô Mỹ, xã Đề Gi và Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Cát Tiến: Thị trấn Cát Tiến hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các địa phương này có vị trí tiếp giáp, dân cư đông, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật từng bước hoàn thiện và có nhiều điểm tương đồng về điều kiện phát triển kinh tế xã hội. Sáp nhập nhằm tạo không gian phát triển, hình thành một đơn vị hành chính có quy mô lớn hơn, thuận lợi hơn trong công tác quy hoạch, đầu tư hạ tầng và quản lý hành chính nhà nước. Tuyến ĐT639, QL19B và các trục giao thông kết nối liên vùng đóng vai trò huyết mạch, bảo đảm khả năng liên thông giữa các khu vực sau sáp nhập.

24. Thành lập Xã Đề Gi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 30,74 km², quy mô dân số là 17.442 người của thị trấn Cát Khánh; toàn bộ diện tích tự nhiên là 25,42 km², quy mô dân số là 16.938 người của xã Cát Minh và toàn bộ diện tích tự nhiên là 38,82 km², quy mô dân số là 11.170 người của xã Cát Tài thuộc huyện Phù Cát hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Đề Gi có diện tích tự nhiên là 94,97 km² (đạt 317% so với quy định); quy mô dân số là 45.550 người (đạt 285% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Phù Cát, xã Cát Tiến, xã Hòa Hội, xã Phù Mỹ Nam, xã An Lương và Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Đề Gi: Thị trấn Cát Khánh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Việc sáp nhập các xã tạo không gian phát triển đô thị; quy hoạch bến cảng du lịch; phát triển du lịch nghỉ dưỡng. Lầy đường liên tỉnh ĐT639, ĐT633 làm trục giao thông chính với nguồn lực sẵn có của thị trấn Cát Khánh sẽ là tiềm năng tốt để phát triển đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp, vừa đảm bảo các yếu tố về diện tích, quy mô dân số, vừa thuận lợi để xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế xã hội, trong đó kinh tế biển là động lực của vùng.

25. Thành lập Xã Hòa Hội trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 44,80 km², quy mô dân số là 17.336 người của xã Cát Hanh và toàn bộ diện tích tự nhiên là 42,26 km², quy mô dân số là 8.797 người của xã Cát Hiệp thuộc huyện Phù Cát hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Hòa Hội có diện tích tự nhiên là 87,06 km² (đạt 290% so với quy định); quy mô dân số là 26.133 người (đạt 163% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Phù Cát, xã Đề Gi, xã Hội Sơn, xã Phù Mỹ Nam và xã Bình Hiệp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Hòa Hội: Xã Cát Hanh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Việc sắp xếp như trên tạo thuận lợi cho việc quy hoạch đô thị phát triển kinh tế. Đồng thời, cả 02 xã đều là đơn vị hành chính giáp ranh do đó phương án là phù hợp, trên địa bàn có Khu công nghiệp Hòa Hội, Cụm công nghiệp Cát Hanh là điều kiện thuận lợi để phát triển lâu dài cho việc giao thương phát triển kinh tế vùng. Đồng thời đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định.

26. Thành lập Xã Hội Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 68,57 km², quy mô dân số là 8.544 người của xã Cát Lâm và toàn bộ diện tích tự nhiên là 113,76 km², quy mô dân số là 5.770 người của xã Cát Sơn thuộc huyện Phù Cát hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Hội Sơn có diện tích tự nhiên là 182,34 km² (đạt 182% so với quy định); quy mô dân số là 14.314 người (đạt 286% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Hòa Hội, xã Phù Mỹ Tây, xã Phù Mỹ Nam, xã Ân Tường, xã Kim Sơn, xã Bình Hiệp và xã Vĩnh Thịnh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Hội Sơn: Xã Cát Lâm hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã được sắp xếp có vị trí địa lý giáp ranh nhau, có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, hạ tầng, văn hóa xã hội và định hướng phát triển kinh tế theo hướng nông, lâm nghiệp.

27. Thành lập Xã Phù Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,75 km², quy mô dân số là 14.439 người của thị trấn Phù Mỹ; toàn bộ diện tích tự nhiên là 20,12 km², quy mô dân số là 8.521 người của xã Mỹ Quang và toàn bộ diện tích tự nhiên là 23,60 km², quy mô dân số là 5.536 người của xã Mỹ Chánh Tây thuộc huyện Phù Mỹ hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Phù Mỹ có diện tích tự nhiên là 54,47 km² (đạt 182% so với quy định); quy mô dân số là 28.496 người (đạt 178% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Phù Mỹ Tây, xã Phù Mỹ Nam, xã An Lương, xã Phù Mỹ Đông và xã Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phù Mỹ: Thị trấn Phù Mỹ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Trên cơ sở sắp xếp ổn định các đơn vị hành chính cấp xã, phương án sắp xếp trên cơ bản phù hợp và đảm bảo các điều kiện về diện tích và dân số. Đồng thời, lấy thị trấn Phù Mỹ là lõi trung tâm để đặt trụ sở đơn vị hành chính sau sắp xếp; với quốc lộ 1A làm trục giao thông chính, tạo thuận lợi cho việc liên kết xây dựng các phương án phát triển hạ tầng kinh tế của đơn vị hành chính mới, phát triển đồng đều khu vực.

28. Thành lập Xã An Lương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 22,22 km², quy mô dân số là 16.397 người của xã Mỹ Chánh; toàn bộ diện tích tự nhiên là 35,50 km², quy mô dân số là 13.781 người của xã Mỹ Thành và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,85 km², quy mô dân số là 7.780 người của xã Mỹ Cát thuộc huyện Phù Mỹ hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã An Lương có diện tích tự nhiên là 66,57 km² (đạt 222% so với quy định); quy mô dân số là 37.958 người (đạt 237% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Phù Mỹ, xã Phù Mỹ Nam, xã Phù Mỹ Đông, xã Đề Gi và Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã An Lương: Xã Mỹ Chánh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các đơn vị hành chính này có vị trí tiếp giáp, liên kết chặt chẽ về kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật và đời sống dân cư, Quy hoạch tổ hợp dịch vụ Bến Siêu du thuyền, Tháp Hải Đăng, Bến du thuyền phía Nam Hòn Giũa, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp núi Tân Phụng...thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội sau sáp nhập.

29. Thành lập Xã Bình Dương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 25,73 km², quy mô dân số là 9.292 người của xã Mỹ Lợi; toàn bộ diện tích tự nhiên là 35,58 km², quy mô dân số là 10.343 người của xã Mỹ Phong và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,51 km², quy mô dân số là 7.679 người của thị trấn Bình Dương thuộc huyện Phù Mỹ hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Bình Dương có diện tích tự nhiên là 65,81 km² (đạt 219% so với quy định); quy mô dân số là 27.314 người (đạt 171% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Phù Mỹ, xã Phù Mỹ Tây, xã Phù Mỹ Đông và xã Phù Mỹ Bắc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Bình Dương: Thị trấn Bình Dương hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các đơn vị được sáp nhập có vị trí liên kề, liên kết chặt chẽ về lịch sử, văn hóa - xã hội và kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức lại bộ máy quản lý nhà nước. Khu vực có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ, đặc biệt là trục quốc lộ 1A đi qua trung tâm, bảo đảm tính liên thông, hỗ trợ hiệu quả cho việc điều hành, trên địa bàn có Cụm công nghiệp Bình Dương, thuận lợi cho phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ người dân sau sáp nhập.

30. Thành lập Xã Phù Mỹ Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 24,41 km², quy mô dân số là 11.115 người của xã Mỹ An; toàn bộ diện tích tự nhiên là 34,37 km², quy mô dân số là 18.478 người của xã Mỹ Thọ và toàn bộ diện

tích tự nhiên là 26,84 km², quy mô dân số là 13.835 người của xã Mỹ Thắng thuộc huyện Phù Mỹ hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Phù Mỹ Đông có diện tích tự nhiên là 85,62 km² (đạt 285% so với quy định); quy mô dân số là 43.428 người (đạt 271% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Phù Mỹ, xã An Lương, xã Bình Dương, xã Phù Mỹ Bắc và Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phù Mỹ Đông: Xã Mỹ An hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các đơn vị hành chính này có vị trí tiếp giáp, liên kết chặt chẽ về kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật và đời sống dân cư; đây là các xã thuộc khu vực biên giới biển, đồng thời cũng là những địa phương thuộc trung tâm phân vùng 3 - phân vùng phát triển công nghiệp tổng hợp, cảng biển, dịch vụ logistics, năng lượng tái tạo, chế biến thủy sản ứng dụng công nghệ cao của huyện; ngoài ra đây cũng là địa phương đang triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh. Trên địa bàn quy hoạch Khu công nghiệp Phù Mỹ, bến cảng Phù Mỹ.

31. Thành lập Xã Phù Mỹ Tây trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 52,10 km², quy mô dân số là 7.954 người của xã Mỹ Trinh và toàn bộ diện tích tự nhiên là 45,43 km², quy mô dân số là 10.589 người của xã Mỹ Hòa thuộc huyện Phù Mỹ hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Phù Mỹ Tây có diện tích tự nhiên là 97,53 km² (đạt 325% so với quy định); quy mô dân số là 18.543 người (đạt 116% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Phù Mỹ, xã Phù Mỹ Nam, xã Phù Mỹ Đông, xã Bình Dương, xã Phù Mỹ Bắc, xã Hoài Ân, xã Ân Tường và xã Hội Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phù Mỹ Tây: Xã Mỹ Trinh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Hai đơn vị có vị trí địa lý liên kề, dân cư sinh sống tập trung theo các trục dân cư liên hoàn, có mối liên hệ chặt chẽ về sinh hoạt, văn hóa và kinh tế.

32. Thành lập Xã Phù Mỹ Nam trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 28,12 km², quy mô dân số là 10.852 người của xã Mỹ Tài và toàn bộ diện tích tự nhiên là 56,98 km², quy mô dân số là 16.333 người của xã Mỹ Hiệp thuộc huyện Phù Mỹ hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Phù Mỹ Nam có diện tích tự nhiên là 85,10 km² (đạt 284% so với quy định); quy mô dân số là 27.185 người (đạt 170% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Phù Mỹ, xã Phù Mỹ Tây, xã An Lương, xã Đề Gi, xã Hòa Hội và xã Hội Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phù Mỹ Nam: Xã Mỹ Hiệp hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã được sắp xếp có vị trí tiếp giáp, dân cư ổn định, tập quán sinh hoạt và điều kiện phát triển kinh tế xã hội tương đồng, thuận tiện trong việc tổ chức lại đơn vị hành chính và bố trí lại nguồn lực, góp phần đảm bảo việc lưu thông thuận lợi giữa các khu vực sau sáp nhập. Điều này không chỉ hỗ trợ cho công tác quản lý hành chính mà còn tạo đà thúc đẩy phát triển nông nghiệp, thương mại dịch vụ và cải thiện đời sống người dân trên địa bàn.

33. Thành lập Xã Phù Mỹ Bắc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 32,39 km², quy mô dân số là 9.620 người của xã Mỹ Đức; toàn bộ diện tích tự nhiên là 31,79 km², quy mô dân số là 10.492 người của xã Mỹ Châu và toàn bộ diện tích tự nhiên là 36,80 km², quy mô dân số là 8.654 người của xã Mỹ Lộc thuộc huyện Phù Mỹ hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Phù Mỹ Bắc có diện tích tự nhiên là 100,98 km² (đạt 337% so với quy định); quy mô dân số là 28.766 người (đạt 180% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Phù Mỹ Tây, xã Phù Mỹ Đông, xã Bình Dương, xã Hoài Ân, phường Bồng Sơn và phường Hoài Nhơn Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phù Mỹ Bắc: Xã Mỹ Châu hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã này có vị trí liền kề, dân cư phân bố tương đối đồng đều, điều kiện tự nhiên và đặc điểm phát triển kinh tế xã hội có nhiều điểm tương đồng, thuận lợi cho việc hợp nhất và tổ chức lại bộ máy hành chính; có đường huyện (ĐH18 Vạn An - Phú Thứ) nối với quốc lộ 1A và đường tỉnh lộ ĐT 639 là điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội và giao lưu văn hóa với các vùng, miền trên cả nước. Nền kinh tế của xã đa ngành nghề: Nông, ngư, lâm, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, trong đó phát triển mạnh về ngư nghiệp, đặc biệt là đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

34. Thành lập Xã Tuy Phước trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,50 km², quy mô dân số là 17.040 người của thị trấn Tuy Phước; toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,73 km², quy mô dân số là 14.939 người của thị trấn Diêu Trì; toàn bộ diện tích tự nhiên là 22,57 km², quy mô dân số là 20.954 người của xã Phước Thuận; toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,72 km², quy mô dân số là 5.937 người của xã Phước Nghĩa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,85 km², quy mô dân số là 18.582 người của xã Phước Lộc thuộc huyện Tuy Phước hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Tuy Phước có diện tích tự nhiên là 53,37 (đạt 178% so với quy định);

quy mô dân số là 77.452 người (đạt 484% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Tuy Phước Tây, xã Tuy Phước Bắc, xã Tuy Phước Đông, phường Quy Nhơn Bắc, phường Quy Nhơn Đông và phường An Nhơn Nam.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Tuy Phước: Thị trấn Tuy Phước hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; là trung tâm kinh tế - văn hóa, thương mại dịch vụ của huyện hiện nay. Trên địa bàn có Ga Diêu Trì là một trong những ga lớn trên tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc Nam và tuyến đường sắt Sài Gòn - Quy Nhơn. Theo định hướng quy hoạch, xây dựng 01 Ga hàng hóa đường sắt sẽ tạo điều kiện phát triển thương mại, dịch vụ, kho, bãi, logistic trong tương lai.

35. Thành lập Xã Tuy Phước Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 26,43 km², quy mô dân số là 28.145 người của xã Phước Sơn; toàn bộ diện tích tự nhiên là 20,10 km², quy mô dân số là 18.644 người của xã Phước Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 14,13 km², quy mô dân số là 11.651 người của xã Phước Thắng thuộc huyện Tuy Phước hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Tuy Phước Đông có diện tích tự nhiên là 60,66 km² (đạt 202% so với quy định); quy mô dân số là 58.440 người (đạt 365% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Tuy Phước, xã Tuy Phước Bắc, xã Ngô Mỹ, phường An Nhơn Bắc và phường Quy Nhơn Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Tuy Phước Đông: Xã Phước Sơn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã này có ranh giới liền kề, định hướng trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ thuộc phía Đông Bắc của vùng.

36. Thành lập Xã Tuy Phước Tây trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 33,37 km², quy mô dân số là 22.368 người của xã Phước An và toàn bộ diện tích tự nhiên là 35,45 km², quy mô dân số là 13.638 người của xã Phước Thành thuộc huyện Tuy Phước hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Tuy Phước Tây có diện tích tự nhiên là 68,81 km² (đạt 229% so với quy định); quy mô dân số là 36.006 người (đạt 225% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Tuy Phước, xã Canh Vinh, phường Quy Nhơn Tây, phường Quy Nhơn Bắc và phường An Nhơn Nam.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Tuy Phước Tây: Xã Phước An hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Hai đơn vị có vị trí địa lý liền kề, dân cư sinh

sống tập trung theo các trục dân cư liên hoàn, có mối liên hệ chặt chẽ về sinh hoạt, văn hóa và kinh tế. Bên cạnh đó, các tuyến giao thông huyết mạch như QL19C và đường liên xã giúp kết nối thuận lợi toàn khu vực, tạo điều kiện để hình thành một không gian quản lý hành chính hợp lý, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại và phát triển kinh tế của người dân. Là trung tâm phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ; logistic; trên địa bàn có Cụm công nghiệp Phước An, Cụm công nghiệp Bình An, Cụm công nghiệp An Sơn.

37. Thành lập Xã Tuy Phước Bắc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 15,96 km², quy mô dân số là 18.731 người của xã Phước Hiệp; toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,24 km², quy mô dân số là 15.080 người của xã Phước Hưng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,83 km², quy mô dân số là 15.684 người của xã Phước Quang thuộc huyện Tuy Phước hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Tuy Phước Bắc có diện tích tự nhiên là 37,03 km² (đạt 123% so với quy định); quy mô dân số là 49.495 người (đạt 309% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Tuy Phước, xã Tuy Phước Đông phường An Nhơn Nam, phường Bình Định, phường An Nhơn Đông và phường An Nhơn Bắc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Tuy Phước Bắc: Xã Phước Quang hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã này có ranh giới liền kề, gắn kết tự nhiên trong không gian địa lý và có điểm tương đồng về sinh hoạt cộng đồng, sản xuất nông nghiệp. Việc sắp xếp không chỉ tạo điều kiện thuận lợi trọng tổ chức bộ máy hành chính mà còn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực địa phương. Đồng thời, các tuyến giao thông hiện hữu như ĐT636 và các trục đường liên xã đóng vai trò là cầu nối quan trọng, bảo đảm tính liên thông trong phát triển hạ tầng và phục vụ người dân sau sáp nhập.

38. Thành lập Xã Tây Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,54 km², quy mô dân số là 25.581 người của thị trấn Phú Phong; toàn bộ diện tích tự nhiên là 36,63 km², quy mô dân số là 7.069 người của xã Tây Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên là 49,53 km², quy mô dân số là 16.295 người của xã Bình Nghi thuộc huyện Tây Sơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Tây Sơn có diện tích tự nhiên là 97,70 km² (đạt 326% so với quy định); quy mô dân số là 48.945 người (đạt 306% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Bình Phú, xã Bình An, xã Canh Liên, xã An Nhơn Tây và phường Bình Định.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Tây Sơn: Thị trấn Phú Phong hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về

diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Lấy đường liên tỉnh ĐT636B làm trục giao thông chính với nguồn lực sẵn có của thị trấn Phú Phong, trên địa bàn có nhiều cụm công nghiệp sẽ là vùng đô thị lõi phát triển kinh tế xã hội để phát triển đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp, vừa đảm bảo các yếu tố về diện tích, quy mô dân số, vừa thuận lợi để xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

39. Thành lập Xã Bình Khê trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 73,98 km², quy mô dân số là 13.869 người của xã Tây Giang và toàn bộ diện tích tự nhiên là 77,85 km², quy mô dân số là 7.811 người của xã Tây Thuận thuộc huyện Tây Sơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Bình Khê có diện tích tự nhiên là 151,83 km² (đạt 506% so với quy định); quy mô dân số là 21.680 người (đạt 136% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Bình Phú, xã Bình Hiệp, xã Bình An, xã Vĩnh Quang và tỉnh Gia Lai.

- Nơi đặt trụ sở làm việc xã Bình Khê: Xã Tây Giang hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Lấy quốc lộ 19 làm trục giao thông chính và một số tuyến đường lớn liên huyện, việc sắp xếp như trên tạo thuận lợi cho việc quy hoạch phát triển kinh tế, giúp quy hoạch giao thông nông thôn đồng bộ hơn, không bị chia cắt, tăng khả năng kết nối giữa các khu vực, đồng thời vẫn đảm bảo các điều kiện về diện tích và dân số.

40. Thành lập Xã Bình Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 104,96 km², quy mô dân số là 1.609 người của xã Vĩnh An; toàn bộ diện tích tự nhiên là 35,29 km², quy mô dân số là 11.466 người của xã Bình Tường và toàn bộ diện tích tự nhiên là 60,21 km², quy mô dân số là 10.244 người của xã Tây Phú thuộc huyện Tây Sơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Bình Phú có diện tích tự nhiên là 200,46 km² (đạt 200% so với quy định); quy mô dân số là 23.319 người (đạt 466% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Tây Sơn, xã Bình Khê, xã Bình An, xã Canh Liên và tỉnh Gia Lai.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Bình Phú: Xã Bình Tường hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã này có ranh giới liền kề, gắn kết tự nhiên trong không gian địa lý và có điểm tương đồng về sinh hoạt cộng đồng, sản xuất nông nghiệp. Việc sắp xếp không chỉ tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức bộ máy hành chính mà còn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực địa phương.

41. Thành lập Xã Bình Hiệp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là

40,79 km², quy mô dân số là 8.802 người của xã Bình Thuận; toàn bộ diện tích tự nhiên là 109,93 km², quy mô dân số là 7.717 người của xã Bình Tân và toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,51 km², quy mô dân số là 5.922 người của xã Tây An thuộc huyện Tây Sơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Bình Hiệp có diện tích tự nhiên là 161,23 km² (đạt 537% so với quy định); quy mô dân số là 22.441 người (đạt 140% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Bình Khê, xã Bình An, xã Phù Cát, xã Hòa Hội, xã Hội Sơn, xã Vĩnh Thịnh, xã Vĩnh Quang và phường An Nhơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Bình Hiệp: Xã Bình Thuận hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã này có ranh giới liền kề, gắn kết tự nhiên trong không gian địa lý và có điểm tương đồng về sinh hoạt cộng đồng, sản xuất nông nghiệp. Việc sắp xếp không chỉ tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức bộ máy hành chính mà còn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực địa phương. Đồng thời, các tuyến giao thông hiện hữu như ĐT638, QL19 và các trục đường liên xã đóng vai trò là cầu nối quan trọng, bảo đảm tính liên thông trong phát triển hạ tầng và phục vụ người dân sau sáp nhập.

42. Thành lập Xã Bình An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,08 km², quy mô dân số là 7.277 người của xã Tây Vinh; toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,11 km², quy mô dân số là 6.195 người của xã Tây Bình; toàn bộ diện tích tự nhiên là 13,66 km², quy mô dân số là 9.352 người của xã Bình Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 53,12 km², quy mô dân số là 11.294 người của xã Bình Thành thuộc huyện Tây Sơn hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Bình An có diện tích tự nhiên là 80,97 km² (đạt 270% so với quy định); quy mô dân số là 34.118 người (đạt 213% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Tây Sơn, xã Bình Khê, xã Bình Phú, xã Bình Hiệp, phường Bình Định và phường An Nhơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Bình An: Xã Bình Hòa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các địa phương này có vị trí tiếp giáp tự nhiên, có sự tương đồng về điều kiện địa lý, phong tục tập quán, sinh hoạt cộng đồng và xu hướng phát triển kinh tế xã hội, thuận lợi trong việc tổ chức sáp nhập và điều hành sau sắp xếp. Ngoài ra, việc liên kết giữa các địa bàn được bảo đảm thông qua hệ thống giao thông hiện hữu, đặc biệt là các tuyến như đường ĐT639B và các tuyến đường liên xã, đóng vai trò kết nối trực tiếp giữa các xã. Điều này tạo thuận lợi cho công tác quản lý hành chính, đảm bảo phục vụ tốt hơn đời sống người dân, đồng thời phát huy tiềm năng phát triển vùng.

43. Thành lập Xã Hoài Ân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,14 km², quy mô dân số là 9.466 người của thị trấn Tăng Bạt Hổ; toàn bộ diện tích tự nhiên là 31,31 km², quy mô dân số là 8.617 người của xã Ân Phong; toàn bộ diện tích tự nhiên là 28,53 km², quy mô dân số là 10.781 người của xã Ân Đức và toàn bộ diện tích tự nhiên là 50,74 km², quy mô dân số là 6.173 người của xã Ân Tường Đông thuộc huyện Hoài Ân hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Hoài Ân có diện tích tự nhiên là 115,72 km² (đạt 386% so với quy định); quy mô dân số là 35.037 người (đạt 219% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Ân Tường, xã Vạn Đức, xã Phù Mỹ Tây, xã Phù Mỹ Bắc và phường Bồng Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Hoài Ân: Thị trấn Tăng Bạt Hổ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Lấy đường liên tỉnh ĐT630 làm trục giao thông chính, trên địa bàn có nhiều cụm công nghiệp như: Cụm công nghiệp Dốc Truong Sỏi, Cụm công nghiệp Du Tự... với nguồn lực sẵn có của thị trấn Tăng Bạt Hổ sẽ là vùng đô thị lõi phát triển kinh tế xã hội để phát triển đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp, vừa đảm bảo các yếu tố về diện tích, quy mô dân số, vừa thuận lợi để xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế xã hội, là động lực phát triển kinh tế của vùng.

44. Thành lập Xã Ân Tường trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 62,43 km², quy mô dân số là 10.011 người của xã Ân Tường Tây; toàn bộ diện tích tự nhiên là 39,75 km², quy mô dân số là 7.137 người của xã Ân Hữu và toàn bộ diện tích tự nhiên là 125,27 km², quy mô dân số là 1.434 người của xã Đak Mang thuộc huyện Hoài Ân hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Ân Tường có diện tích tự nhiên là 227,45 km² (đạt 758% so với quy định); quy mô dân số là 18.582 người (đạt 116% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Hoài Ân, xã Kim Sơn, xã Vạn Đức, xã An Toàn, xã Phù Mỹ Tây, xã Hội Sơn và xã Vĩnh Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Ân Tường: Xã Ân Hữu hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã này có vị trí địa lý tiếp giáp, dân cư sinh sống gắn kết lâu đời, với cơ cấu kinh tế, điều kiện tự nhiên và văn hóa xã hội tương đồng.

45. Thành lập Xã Kim Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 97,74 km², quy mô dân số là 12.105 người của xã Ân Nghĩa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 104,96 km², quy mô dân số là 1.903 người của xã Bok Tới thuộc huyện Hoài Ân hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Kim Sơn có diện tích tự nhiên là 202,70 km² (đạt 203% so với quy định); quy mô dân số là 14.008 người (đạt 280% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Ân Tường, xã Hội Sơn, xã Vĩnh Thịnh và xã Vĩnh Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Kim Sơn: Xã Ân Nghĩa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã này có ranh giới liền kề, gắn kết tự nhiên trong không gian địa lý và có điểm tương đồng về sinh hoạt cộng đồng, sản xuất nông nghiệp. Việc sắp xếp không chỉ tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức bộ máy hành chính mà còn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực địa phương.

46. Thành lập Xã Vạn Đức trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 62,46 km², quy mô dân số là 609 người của xã Ân Sơn; toàn bộ diện tích tự nhiên là 31,86 km², quy mô dân số là 10.542 người của xã Ân Tín và toàn bộ diện tích tự nhiên là 17,56 km², quy mô dân số là 10.466 người của xã Ân Thạnh thuộc huyện Hoài Ân hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Vạn Đức có diện tích tự nhiên là 111,88 km² (đạt 112% so với quy định); quy mô dân số là 21.617 người (đạt 432% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Hoài Ân, xã Ân Tường, xã Ân Hảo, xã An Toàn và phường Bồng Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vạn Đức: Xã Ân Tín hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã này có vị trí địa lý tiếp giáp, dân cư sinh sống gắn kết lâu đời, với cơ cấu kinh tế, điều kiện tự nhiên và văn hóa xã hội tương đồng.

47. Thành lập Xã Ân Hảo trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 27,16 km², quy mô dân số là 5.254 người của xã Ân Hảo Tây; toàn bộ diện tích tự nhiên là 36,95 km², quy mô dân số là 8.907 người của xã Ân Hảo Đông và toàn bộ diện tích tự nhiên là 31,35 km², quy mô dân số là 8.229 người của xã Ân Mỹ thuộc huyện Hoài Ân hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Ân Hảo có diện tích tự nhiên là 95,46 km² (đạt 318% so với quy định); quy mô dân số là 22.390 người (đạt 140% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Vạn Đức, xã An Hòa, xã An Toàn, phường Bồng Sơn, phường Hoài Nhơn Nam và phường Hoài Nhơn Tây.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Ân Hảo: Xã Ân Mỹ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Ba đơn vị có vị trí địa lý liền kề, dân cư sinh sống tập trung theo các trục dân cư liên hoàn, có mối liên hệ chặt chẽ về sinh hoạt, văn hóa và kinh tế. Bên cạnh đó, các tuyến giao thông huyết mạch như ĐT639 và đường liên xã hiện hữu giúp kết nối thuận lợi toàn khu vực, tạo điều kiện để hình thành một không gian quản lý hành chính hợp lý, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại và phát triển kinh tế của người dân.

48. Thành lập Xã Vân Canh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 83,63 km², quy mô dân số là 3.880 người của xã Canh Thuận; toàn bộ diện tích tự nhiên là 48,10 km², quy mô dân số là 2.345 người của xã Canh Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên là 19,49 km², quy mô dân số là 7.382 người của thị trấn Vân Canh và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên là 57,53 km², quy mô dân số là 243 người của xã Canh Hiệp thuộc huyện Vân Canh hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Vân Canh có diện tích tự nhiên là 208,75 km² (đạt 209% so với quy định); quy mô dân số là 13.850 người (đạt 693% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Canh Liên, xã Canh Vinh, phường Quy Nhơn Tây và tỉnh Phú Yên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vân Canh: Thị trấn Vân Canh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Lấy đường liên tỉnh ĐT638 làm trục giao thông chính với nguồn lực sẵn có của thị trấn Vân Canh sẽ là vùng đô thị lõi phát triển kinh tế xã hội để phát triển đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp, vừa đảm bảo các yếu tố về diện tích, quy mô dân số, vừa thuận lợi để xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

49. Thành lập Xã Canh Vinh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 99,57 km², quy mô dân số là 10.241 người của xã Canh Vinh; toàn bộ diện tích tự nhiên là 36,67 km², quy mô dân số là 3.512 người của xã Canh Hiền; phần còn lại diện tích tự nhiên là 69,98 km², quy mô dân số là 2.519 người của xã Canh Hiệp và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên là 52,50 km², quy mô dân số là 560 người của xã Canh Liên thuộc huyện Vân Canh hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Canh Vinh có diện tích tự nhiên là 258,72 km² (đạt 259% so với quy định); quy mô dân số là 16.832 người (đạt 337% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Vân Canh, xã Canh Liên, xã An Nhơn Tây, xã Tuy Phước Tây, phường Quy Nhơn Tây và phường An Nhơn Nam.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Canh Vinh: Xã Canh Vinh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về

diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã này có vị trí địa lý tiếp giáp, dân cư sinh sống gắn kết lâu đời, với cơ cấu kinh tế, điều kiện tự nhiên và văn hóa xã hội tương đồng. Trên địa bàn có Khu công nghiệp Becamex, Cụm công nghiệp Canh Vinh 1, Cụm công nghiệp Canh Vinh 2, Cụm công nghiệp Canh Hiệp, Cụm công nghiệp Canh Hiệp 1, Cụm công nghiệp Canh Hiền là động lực phát triển kinh tế của vùng sau sáp nhập.

50. Thành lập Xã Canh Liên trên cơ sở phần còn lại diện tích tự nhiên là 331,67 km², quy mô dân số là 2.357 người của xã Canh Liên thuộc huyện Vân Canh hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Canh Liên có diện tích tự nhiên là 331,67 km² (đạt 332% so với quy định); quy mô dân số là 2.357 người (đạt 236% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Vân Canh, xã Canh Vinh, xã Tây Sơn, xã Bình Phú, xã An Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai và tỉnh Phú Yên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Canh Liên: Xã Canh Liên hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Canh Liên hiện nay, xã có vị trí biệt lập, khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với đơn vị hành chính liền kề, xã có địa bàn rộng, có tỷ lệ lớn đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Việc điều chỉnh một phần nhằm giữ ổn định trong công tác quản lý hành chính, đảm bảo hiệu quả triển khai các chính sách dân tộc, an sinh xã hội, quốc phòng an ninh và phát triển kinh tế.

51. Thành lập Xã Vĩnh Thạnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,40 km², quy mô dân số là 6.984 người của thị trấn Vĩnh Thạnh và toàn bộ diện tích tự nhiên là 155,36 km², quy mô dân số là 3.078 người của xã Vĩnh Hảo thuộc huyện Vĩnh Thạnh hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Vĩnh Thạnh có diện tích tự nhiên là 164,76 km² (đạt 165% so với quy định); quy mô dân số là 10.062 người (đạt 201% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Vĩnh Thịnh, xã Vĩnh Quang, xã Vĩnh Sơn và tỉnh Gia Lai.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Thạnh: Thị trấn Vĩnh Thạnh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Hai đơn vị này có vị trí địa lý giáp ranh, gần bó chặt chẽ về mặt cộng đồng dân cư, sinh hoạt văn hóa và hoạt động kinh tế xã hội, là vùng đô thị lõi của huyện, trên địa bàn có Cụm công nghiệp Tà Súc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp nhất về tổ chức hành chính và phát triển đồng bộ kinh tế xã hội sau sắp xếp. Đặc biệt, hệ thống giao thông tại khu vực này khá đồng bộ, với trục ĐT637 đi qua địa bàn thị trấn Vĩnh Thạnh và kết nối trực tiếp với các tuyến đường liên xã, góp phần tăng cường tính liên thông trong quản lý, thúc đẩy giao thương và nâng cao chất lượng phục vụ người dân sau khi xã mới được thành lập.

52. Thành lập Xã Vĩnh Thịnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 83,37 km², quy mô dân số là 3.698 người của xã Vĩnh Hiệp và toàn bộ diện tích tự nhiên là 50,54 km², quy mô dân số là 7.141 người của xã Vĩnh Thịnh thuộc huyện Vĩnh Thạnh hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Vĩnh Thịnh có diện tích tự nhiên là 133,91 km² (đạt 134% so với quy định); quy mô dân số là 10.839 người (đạt 217% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Quang, xã Vĩnh Sơn, xã Kim Sơn, xã Bình Hiệp và xã Hội Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Thịnh: Xã Vĩnh Hiệp hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; hai xã có địa giới tiếp giáp, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế phía Đông Nam của vùng hiện nay.

53. Thành lập Xã Vĩnh Quang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 35,43 km², quy mô dân số là 1.772 người của xã Vĩnh Thuận; toàn bộ diện tích tự nhiên là 29,33 km², quy mô dân số là 2.297 người của xã Vĩnh Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 24,59 km², quy mô dân số là 5.005 người của xã Vĩnh Quang thuộc huyện Vĩnh Thạnh hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Vĩnh Quang có diện tích tự nhiên là 89,35 km² (đạt 89% so với quy định); quy mô dân số là 9.074 người (đạt 181% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Thịnh, xã Bình Khê, xã Bình Hiệp và tỉnh Gia Lai.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Quang: Xã Vĩnh Quang hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Đồng thời 03 đơn vị với đường giáp ranh nối dài, có sự tương đồng về các yếu tố truyền thống, xã hội sẽ thuận lợi cho công tác quy hoạch, sử dụng đất đai, phát triển nông nghiệp và dịch vụ, giúp quy hoạch giao thông nông thôn đồng bộ hơn, không bị chia cắt.

54. Thành lập Xã Vĩnh Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 160,24 km², quy mô dân số là 2.207 người của xã Vĩnh Kim và toàn bộ diện tích tự nhiên là 168,66 km², quy mô dân số là 3.822 người của xã Vĩnh Sơn thuộc huyện Vĩnh Thạnh hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã Vĩnh Sơn có diện tích tự nhiên là 328,89 km² (đạt 329% so với quy định); quy mô dân số là 6.029 người (đạt 603% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Thịnh, xã Ân Tường, xã Kim Sơn, xã An Toàn và tỉnh Gia Lai.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Sơn: Xã Vĩnh Sơn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Có vị trí liên kề nhau, 02 địa phương tương đồng về phong tục tập quán, thuận lợi về giao thông đi lại, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của 02 đơn vị tương đồng nhau. Việc đặt đơn vị hành chính mới phù hợp với nguyện vọng của Nhân dân.

55. Thành lập Xã An Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 41,16 km², quy mô dân số là 12.795 người của xã An Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên là 55,32 km², quy mô dân số là 1.387 người của xã An Quang và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên là 5,00 km² của xã An Nghĩa thuộc huyện An Lão hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã An Hòa có diện tích tự nhiên là 101,48 km² (đạt 101% so với quy định); quy mô dân số là 14.182 người (đạt 284% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã An Toàn, xã An Vinh, xã An Lão, xã Ân Hảo, phường Hoài Nhơn Tây và phường Tam Quan.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã An Hòa: Xã An Hòa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Các xã có vị trí địa lý liên kề, nhiều điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa xã hội và trình độ phát triển kinh tế, thuận tiện cho việc tổ chức sắp xếp lại địa giới hành chính, có đường tỉnh lộ ĐT 629 chạy qua xã, nối liền quốc lộ 1A với khu Đông Nam của huyện, là cửa ngõ của huyện An Lão giao lưu với vùng đồng bằng.

56. Thành lập Xã An Lão trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 23,27 km², quy mô dân số là 4.386 người của xã An Tân; toàn bộ diện tích tự nhiên là 66,19 km², quy mô dân số là 1.665 người của xã An Hưng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 14,41 km², quy mô dân số là 4.652 người của thị trấn An Lão thuộc huyện An Lão hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã An Lão có diện tích tự nhiên là 103,87 km² (đạt 104% so với quy định); quy mô dân số là 10.703 người (đạt 214% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã An Hòa, xã An Vinh, phường Hoài Nhơn Tây, phường Tam Quan, phường Hoài Nhơn Bắc, phường Tam Quan và tỉnh Quảng Ngãi.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã An Lão: Thị trấn An Lão hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Trên cơ sở sắp xếp ổn định các đơn vị hành chính cấp xã, phương án sắp xếp trên cơ bản phù hợp và đảm bảo các điều kiện về diện tích và dân số. Đồng thời, lấy thị trấn An Lão là lõi trung tâm để đặt trụ sở đơn vị hành chính sau sắp xếp với trục ĐT629 làm trục giao thông

chính, trên địa bàn tập trung nhiều cụm công nghiệp, tạo thuận lợi cho việc liên kết xây dựng các phương án phát triển hạ tầng kinh tế của đơn vị hành chính mới, phát triển đồng đều khu vực.

57. Thành lập Xã An Vinh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 68,54 km², quy mô dân số là 2.645 người của xã An Trung; toàn bộ diện tích tự nhiên là 42,47 km², quy mô dân số là 1.826 người của xã An Dũng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 85,18 km², quy mô dân số là 2.051 người của xã An Vinh thuộc huyện An Lão hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã An Vinh có diện tích tự nhiên là 196,19 km² (đạt 196% so với quy định); quy mô dân số là 6.522 người (đạt 652% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã An Lão, xã An Hòa, xã An Toàn và tỉnh Quảng Ngãi.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã An Vinh: Xã An Dũng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liền kề thành đơn vị hành chính cấp xã mới bảo đảm các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số. Ba xã có địa giới tiếp giáp, dân cư sinh sống gần bó lâu đời, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa xã hội và cơ cấu sản xuất, trong đó có đông đồng bào dân tộc thiểu số; thuận lợi trong tổ chức quản lý hành chính, lưu thông hàng hóa và phục vụ đời sống người dân sau khi sáp nhập.

58. Thành lập Xã An Toàn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 262,75 km², quy mô dân số là 1.030 người của xã An Toàn và phần còn lại diện tích tự nhiên là 32,59 km², quy mô dân số là 760 người của xã An Nghĩa thuộc huyện An Lão hiện nay.

a) Kết quả sắp xếp:

- Xã An Toàn có diện tích tự nhiên là 295,34 km² (đạt 295% so với quy định); quy mô dân số là 1.790 người (đạt 179% so với quy định).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã An Vinh, xã An Hòa, xã Ân Hào, xã Ân Tường, xã Vạn Đức, xã Vĩnh Sơn và các tỉnh Gia Lai, Quảng Ngãi.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã An Toàn: Xã An Toàn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính: Xã có vị trí biệt lập, khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với đơn vị hành chính liền kề, địa bàn rộng, là địa bàn có vị trí đặc biệt, khu vực vùng cao, có vai trò quan trọng trong bảo vệ an ninh, quốc phòng. Dân cư phân bố rải rác, với tỷ lệ lớn đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, chủ yếu là người Hrê và Bana, có bản sắc văn hóa riêng và đời sống gắn với sản xuất nông lâm nghiệp. Việc sáp nhập xã An Toàn với một phần xã An Nghĩa giúp giữ ổn định trong công tác quản lý địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai hiệu quả các chính sách dân tộc, hỗ trợ phát triển vùng sâu, vùng xa.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP

XÃ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Trước khi sắp xếp, tỉnh Bình Định có 155 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 115 xã, 28 phường, 12 thị trấn.

2. Sau sắp xếp, tỉnh Bình Định còn 58 đơn vị hành chính, gồm 41 xã, 17 phường giảm 97 đơn vị hành chính (gồm 74 xã; 11 phường; 12 thị trấn).

3. Đối với nơi đặt trụ sở làm việc của 58 xã có thể điều chỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Định năm 2025 cho phù hợp với vị trí địa lý, hệ thống giao thông và thuận tiện trong sinh hoạt của người dân.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính

a) Về cơ cấu tổ chức

(1) Đối với Đảng bộ cơ sở xã, phường (dự kiến)

Đảng bộ cơ sở là hạt nhân chính trị, lãnh đạo trực tiếp, toàn diện ở xã, phường; đảng ủy cấp xã là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Tỉnh ủy, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

Về chức năng, nhiệm vụ của Đảng ủy cấp xã; việc thành lập cơ quan tham mưu giúp việc và đơn vị sự nghiệp của cấp ủy cấp xã thực hiện theo Quy định của Ban Bí thư và Hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

(2) Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, bảo đảm sâu sát cơ sở, địa bàn, chăm lo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân và đoàn viên, hội viên theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

(3) Chính quyền địa phương cấp xã

- Chính quyền địa phương cấp xã gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.
- Hội đồng nhân dân cấp xã thành lập 02 Ban là Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập tối đa 04 phòng và tương đương phù hợp với đặc điểm đô thị, nông thôn, hải đảo, gồm: (1) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, (2) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường), (3) Phòng Văn hóa - Xã hội, (4) Trung tâm phục vụ hành chính công (xác định là tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã).

Căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, diện tích tự nhiên, quy mô dân số của đơn vị hành chính mới, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định số lượng cơ

quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã cho phù hợp.

- Đối với xã Nhơn Châu (không sắp xếp), căn cứ vào điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét quyết định số lượng cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân xã cho phù hợp hoặc không tổ chức các phòng chuyên môn theo hướng dẫn chung (trừ các Ban của Hội đồng nhân dân hiện có) thì phân công công chức chuyên môn trực tiếp đảm nhiệm các vị trí việc làm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp xã mới.

- Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự ở đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

b) Về số lượng chức danh lãnh đạo

- Lãnh đạo Hội đồng nhân dân cấp xã gồm Chủ tịch (*chức danh kiêm nhiệm*) và 01 Phó Chủ tịch (*chức danh chuyên trách*).

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã gồm Chủ tịch (*chức danh chuyên trách*) và 02 Phó Chủ tịch (*01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; 01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công*).

- Các Ban của Hội đồng nhân dân có Trưởng ban (*chức danh kiêm nhiệm*) và 01 Phó Trưởng ban (*chức danh chuyên trách*).

Các phòng và tương đương của Ủy ban nhân dân cấp xã có Trưởng phòng (*chức danh chuyên trách hoặc do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân kiêm nhiệm*) và 01 cấp phó (*chức danh chuyên trách*).

Đối với xã Nhơn Châu (không sắp xếp) và không tổ chức các phòng chuyên môn thì số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể bố trí tăng thêm 01 Phó Chủ tịch để bảo đảm vai trò lãnh đạo, điều hành của chính quyền trong việc phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ sắp xếp, bố trí sử dụng lãnh đạo kiêm nhiệm hoặc giảm cấp phó các phòng, ban chuyên môn để tăng số lượng công chức làm việc trực tiếp đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân của đơn vị hành chính cấp xã mới.

c) Về nhiệm vụ, quyền hạn

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

d) Định hướng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã mới

(1) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Tham mưu, giúp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã về: Chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; tham mưu hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản

ánh của Nhân dân; cung cấp thông tin, bảo đảm điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; thực hiện công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

- Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cấp xã, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

(2) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)

- Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tài chính; kế hoạch và đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, kinh tế hợp tác; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Lĩnh vực Xây dựng và Công Thương: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc, hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị; cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở, vật liệu xây dựng; giao thông; tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại.

- Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục hành chính và được cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước ở Trung ương tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh hoặc khu vực để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn cấp xã.

- Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; biển và hải đảo (đối với đơn vị hành chính có biển, đảo); nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn.

(3) Phòng Văn hóa - Xã hội

- Lĩnh vực Nội vụ: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng, văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới; công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo.

- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông (giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở).

- Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; quảng cáo; bưu chính; công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin; khoa học và công nghệ; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số.

- Lĩnh vực Y tế: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

(4) Trung tâm phục vụ hành chính công

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục hành chính và được cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

Phối hợp với các cơ quan nhà nước ở Trung ương tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh hoặc khu vực để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn cấp xã.

đ) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

- Đối với lĩnh vực giáo dục: Giữ nguyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Đối với lĩnh vực y tế: Duy trì các Trạm Y tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của đơn vị hành chính cấp xã mới, có thể tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Đối với các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Y tế quản lý để sắp xếp, tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Sắp xếp, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (*cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường....*).

- Sắp xếp lại, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên (Ban quản lý dự án) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp

công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng,... trên địa bàn. Trường hợp cần thiết, có thể thành lập đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh để cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thực hiện việc cơ cấu lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả, bảo đảm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu gắn với cơ cấu lại, giảm viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính

a) Chuyển 100% biên chế cấp huyện hiện có để bố trí biên chế cấp xã, trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cấp xã mới; có thể tăng cường cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh về cấp xã.

b) Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức của cấp huyện, cấp xã hiện có để bố trí làm việc tại cấp xã và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định của Chính phủ; dự kiến biên chế bình quân của mỗi cấp xã khoảng 32 biên chế (không bao gồm khối Đảng, đoàn thể).

c) Về biên chế viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập

Trên cơ sở phương án sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực tại cấp xã mới theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ bố trí chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bảo đảm thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, thực hiện đầy mạnh tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng địa bàn.

d) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố hiện nay

- Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay kể từ ngày 01/8/2025; xem xét, có thể sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.

- Tiếp tục xác định thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính. Trước mắt giữ nguyên các thôn, tổ dân phố hiện có và thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách Nhà nước khi được bố trí công tác ở đơn vị hành chính mới thì tiếp tục được hưởng

lương theo ngạch, bậc và các chế độ phụ cấp lương hiện hưởng trong thời gian gian 6 tháng; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ.

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ, bảo đảm giữ được người có năng lực nổi trội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

c) Trường hợp cán bộ, công chức ở cấp huyện và cấp xã không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ trí đảm nhiệm vị trí việc làm ở cấp xã mới thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Chính phủ.

d) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo đơn vị hành chính như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền. Trường hợp có thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

đ) Căn cứ quy định của Chính phủ, quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy bảo đảm đúng đối tượng và quyền, lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Về sắp xếp, xử lý trụ sở công đôi dư sau sắp xếp

- Tổng số cơ sở, nhà đất thuộc diện sắp xếp lại xử lý là 292 cơ sở. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Bình Định, phương án dự kiến sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất như sau:

- Giữ lại tiếp tục sử dụng là 144 cơ sở;
- Không tiếp tục sử dụng là 92 cơ sở;
- Phương án khác là 56 cơ sở.

2. Về sắp xếp, xử lý tài sản công đôi dư sau sắp xếp

- Trong vòng 03 năm, kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành sẽ hoàn thành việc sắp xếp, xử lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị tại đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo việc sắp xếp, xử lý tài sản công đôi dư của các cơ quan, đơn vị theo các quy định hiện hành của pháp luật; bảo đảm khai thác, sử dụng có hiệu quả tránh lãng phí.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Định, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát và thực hiện quy trình thủ tục về công nhận các chế độ, chính sách đặc thù của các đơn vị hành chính mới theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025. Theo đó:

1. Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo đơn vị hành chính như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, có trách nhiệm sau đây:

- Rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan bảo đảm phù hợp với việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo quy định.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các đơn vị hành chính cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp.

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định miễn giảm các khoản lệ phí về hộ tịch, đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất và các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các trường hợp bị tác động bởi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

- Xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính đô thị sau sắp xếp.

2. Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tiếp tục tuyên truyền, vận động Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh năm 2025.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

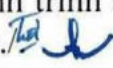
1. Kết luận

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Định là phù hợp với yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của tổ chức chính trị, quản lý chính quyền cơ sở; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; phát huy tiềm năng hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; phù hợp với nhiệm vụ, định hướng phát triển của tỉnh Bình Định.

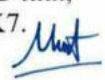
- Quá trình tổ chức thực hiện đảm bảo khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch; trình tự, hồ sơ thủ tục đúng quy định của pháp luật; việc xác định tên gọi của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp, lựa chọn vị trí đặt công sở, các chế độ, chính sách và công tác bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách... khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã được các địa phương tập trung giải quyết, bố trí phù hợp, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn.

2. Kiến nghị, đề xuất

Kính đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định, trình các cấp có thẩm quyền xem xét thông qua Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định, ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định hiện hành của pháp luật.

Trên đây là Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. 

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

Phụ lục 2.1

TỈNH BÌNH ĐỊNH



THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ HIỆN NAY
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
I	THÀNH PHỐ QUY NHƠN (17 đơn vị)								
1	Các xã:								
1.1	Xã Nhơn Châu	3,62	60%	2.350	147%		X		X
1.2	Xã Nhơn Hải	12,15	41%	6.134	77%				X
1.3	Xã Nhơn Hội	40,23	134%	5.336	67%				X
1.4	Xã Nhơn Lý	14,95	50%	10.378	130%				X
1.5	Xã Phước Mỹ	68,63	137%	7.040	141%				
2	Các phường:								
2.1	Pường Bùi Thị Xuân	50,00	909%	17.819	509%	X			
2.2	Pường Đống Đa	5,82	106%	37.306	533%				
2.3	Pường Ghềnh Ráng	26,13	475%	11.117	159%				
2.4	Pường Hải Cảng	10,70	194%	18.137	259%				
2.5	Pường Ngô Mây	1,24	22%	22.715	325%				X
2.6	Pường Nguyễn Văn Cừ	1,43	26%	17.870	255%				X
2.7	Pường Nhơn Bình	14,63	266%	25.219	360%				
2.8	Pường Nhơn Phú	12,81	233%	23.874	341%				
2.9	Pường Quang Trung	7,56	137%	21.594	308%				

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
2.10	Phường Thị Nại	2,94	53%	35.585	508%				X
2.11	Phường Trần Phú	2,32	42%	38.298	547%				X
2.12	Phường Trần Quang Diệu	10,89	198%	21.872	312%				
II	THỊ XÃ HOÀI NHƠN (17 đơn vị)								
1	Các xã:								
1.1	Xã Hoài Châu	22,60	75%	10.761	135%				X
1.2	Xã Hoài Châu Bắc	22,49	75%	11.107	139%				X
1.3	Xã Hoài Hải	4,70	16%	8.307	104%				X
1.4	Xã Hoài Mỹ	48,92	163%	15.917	199%				
1.5	Xã Hoài Phú	40,51	135%	10.413	130%				
1.6	Xã Hoài Sơn	59,37	119%	11.733	235%	X			
2	Các phường:								
2.1	Phường Bồng Sơn	17,39	316%	23.546	471%				
2.2	Phường Hoài Đức	63,72	1159%	17.889	358%				
2.3	Phường Hoài Hảo	37,64	684%	15.159	303%				
2.4	Phường Hoài Hương	10,74	195%	20.410	408%				
2.5	Phường Hoài Tân	27,59	502%	21.759	435%				
2.6	Phường Hoài Thanh	16,56	301%	14.924	298%				
2.7	Phường Hoài Thanh Tây	14,54	264%	13.208	264%				
2.8	Phường Hoài Xuân	10,08	183%	10.948	219%				
2.9	Phường Tam Quan	7,22	131%	14.097	282%				
2.10	Phường Tam Quan Bắc	7,59	138%	21.741	435%				

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
2.11	Phường Tam Quan Nam	9,22	168%	15.035	301%				
III	THỊ XÃ AN NHƠN (15 đơn vị)								
1	Các xã:								
1.1	Xã Nhơn An	8,92	30%	11.738	147%				X
1.2	Xã Nhơn Hạnh	10,99	37%	11.592	145%				X
1.3	Xã Nhơn Hậu	12,28	41%	15.696	196%				X
1.4	Xã Nhơn Khánh	8,65	29%	9.895	124%				X
1.5	Xã Nhơn Lộc	12,27	41%	10.456	131%				X
1.6	Xã Nhơn Mỹ	17,29	58%	13.081	164%				X
1.7	Xã Nhơn Phong	8,20	27%	9.874	123%				X
1.8	Xã Nhơn Phúc	10,45	35%	11.676	146%				X
1.9	Xã Nhơn Tân	63,23	211%	9.722	122%				
1.10	Xã Nhơn Thọ	32,03	107%	10.629	133%				
2	Các phường:								
2.1	Phường Bình Định	6,06	110%	21.197	424%				
2.2	Phường Đập Đá	5,05	92%	20.631	413%				X
2.3	Phường Nhơn Hòa	28,01	509%	21.022	420%				
2.4	Phường Nhơn Hưng	8,30	151%	14.705	294%				
2.5	Phường Nhơn Thành	12,76	232%	17.018	340%				
IV	HUYỆN AN LÃO (10 đơn vị)								
	Các xã, thị trấn:								
1	Xã An Dũng	42,47	85%	826	183%	X			X

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
2	Xã An Hòa	41,16	82%	12.795	256%	X			X
3	Xã An Hưng	66,19	132%	665	167%	X			
4	Xã An Nghĩa	37,59	75%	760	76%	X			X
5	Xã An Quang	55,32	111%	387	139%	X			
6	Xã An Tân	23,27	47%	4.386	88%	X			X
7	Xã An Toàn	262,75	525%	1.030	103%	X			
8	Xã An Trung	68,54	137%	2.645	265%	X			
9	Xã An Vinh	85,18	170%	2.051	205%	X			
10	Thị trấn An Lão	14,41	29%	4.652	58%	X			X
V	HUYỆN HOÀI AN (15 đơn vị)								
	Các xã, thị trấn:								
1	Xã Ân Đức	28,53	95%	10.781	135%				X
2	Xã Ân Hào Đông	36,95	74%	8.907	178%	X			X
3	Xã Ân Hào Tây	27,16	54%	5.254	105%	X			X
4	Xã Ân Hữu	39,75	79%	7.137	143%	X			X
5	Xã Ân Mỹ	31,35	105%	8.229	103%				
6	Xã Ân Nghĩa	97,74	195%	12.105	242%	X			
7	Xã Ân Phong	31,31	104%	8.617	108%				
8	Xã Ân Sơn	62,46	125%	609	61%	X			X
9	Xã Ân Thạnh	17,56	59%	10.466	131%				X
10	Xã Ân Tín	31,86	106%	10.542	132%				
11	Xã Ân Tường Đông	50,74	101%	6.173	123%	X			

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
12	Xã Ân Tường Tây	62,43	125%	10.011	200%	X			
13	Xã Bok Tới	104,96	210%	903	190%	X			
14	Xã Đak Mang	125,27	251%	434	143%	X			
15	Thị trấn Tăng Bạt Hổ	5,14	17%	9.466	118%				X
VI	HUYỆN PHÙ MỸ (19 đơn vị)								
	Các xã, thị trấn:								
1	Xã Mỹ An	24,41	81%	1115	139%				X
2	Xã Mỹ Cát	8,85	29%	7.780	97%				X
3	Xã Mỹ Chánh	22,22	74%	16.397	205%				X
4	Xã Mỹ Chánh Tây	23,60	79%	5.536	69%				X
5	Xã Mỹ Châu	31,79	64%	10.492	210%	X			X
6	Xã Mỹ Đức	32,39	65%	9.620	192%	X			X
7	Xã Mỹ Hiệp	56,98	190%	16.333	204%				
8	Xã Mỹ Hòa	45,43	151%	10.589	132%				
9	Xã Mỹ Lộc	36,80	123%	8.654	108%				
10	Xã Mỹ Lợi	25,73	86%	9.292	116%				X
11	Xã Mỹ Phong	35,58	119%	10.343	129%				
12	Xã Mỹ Quang	20,12	67%	8.521	107%				X
13	Xã Mỹ Tài	28,12	94%	10.852	136%				X
14	Xã Mỹ Thắng	26,84	89%	13.835	173%				X
11	Xã Mỹ Thành	35,50	118%	13.781	172%				
12	Xã Mỹ Thọ	34,37	115%	18.478	231%				

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
13	Xã Mỹ Trinh	52,10	174%	7.954	99%				X
14	Thị trấn Phù Mỹ	10,75	36%	14.439	180%				X
15	Thị trấn Bình Dương	4,51	15%	7.679	96%				X
VII	HUYỆN VINH THẠNH (09 đơn vị)								
	Các xã, thị trấn:								
1	Xã Vĩnh Hảo	155,36	311%	3.078	62%	X			X
2	Xã Vĩnh Hiệp	83,37	167%	3.698	74%	X			X
3	Xã Vĩnh Hòa	29,33	59%	2.297	92%	X			X
4	Xã Vĩnh Kim	160,24	320%	2.207	221%	X			
5	Xã Vĩnh Quang	24,59	49%	5.005	100%	X			X
6	Xã Vĩnh Sơn	168,66	337%	3.822	306%	X			
7	Xã Vĩnh Thịnh	50,54	101%	7.141	143%	X			
8	Xã Vĩnh Thuận	35,43	71%	772	177%	X			X
9	Thị trấn Vĩnh Thạnh	9,40	19%	6.984	140%	X			X
VIII	HUYỆN TÂY SƠN (15 đơn vị)								
	Các xã, thị trấn:								
1	Xã Bình Hòa	13,66	46%	9.352	117%				X
2	Xã Bình Nghi	49,53	165%	16.295	204%				
3	Xã Bình Tân	109,93	220%	7.717	154%	X			
4	Xã Bình Thành	53,12	177%	1.294	141%				
5	Xã Bình Thuận	40,79	136%	8.802	110%				
6	Xã Bình Tường	35,29	118%	1.466	143%				

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
7	Xã Tây An	10,51	35%	5.922	74%				X
8	Xã Tây Bình	7,11	24%	6.195	77%				X
9	Xã Tây Giang	73,98	148%	13.869	277%	X			
10	Xã Tây Phú	60,21	120%	10.244	205%	X			
11	Xã Tây Thuận	77,85	156%	7.811	156%	X			
12	Xã Tây Vinh	7,08	24%	7.277	91%				X
13	Xã Tây Xuân	36,63	122%	7.069	88%				X
14	Xã Vĩnh An	104,96	210%	609	129%	X			
15	Thị trấn Phú Phong	11,54	38%	25.581	320%				X
IX	HUYỆN PHÙ CÁT (18 đơn vị)								
	Các xã, thị trấn:								
1	Xã Cát Chánh	11,74	39%	7.717	96%				X
2	Xã Cát Hải	43,96	88%	7.890	158%	X			X
3	Xã Cát Hanh	44,80	149%	17.336	217%				
4	Xã Cát Hiệp	42,26	141%	8.797	110%				
5	Xã Cát Hưng	41,11	82%	9.024	180%	X			X
6	Xã Cát Lâm	68,57	229%	8.544	107%				
7	Xã Cát Minh	25,42	85%	16.938	212%				X
8	Xã Cát Nhơn	38,65	129%	1429	143%				
9	Xã Cát Sơn	113,76	228%	5.770	115%	X			
10	Xã Cát Tài	38,82	78%	1170	223%	X			X
11	Xã Cát Tân	27,97	93%	19.272	241%				X

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
12	Xã Cát Thắng	8,57	29%	8.910	111%				X
13	Xã Cát Thành	41,76	139%	10.461	131%				
14	Xã Cát Trinh	48,39	161%	17.310	216%				
15	Xã Cát Tường	28,95	97%	19.073	238%				X
16	Thị trấn Ngô Mỹ	7,60	25%	14.854	186%				X
17	Thị trấn Cát Tiến	17,64	59%	15.172	190%				X
18	Thị trấn Cát Khánh	30,74	102%	17.442	218%				
X	HUYỆN TUY PHƯỚC (13 đơn vị)								
	Các xã, thị trấn:								
1	Xã Phước An	33,37	111%	22.368	280%				
2	Xã Phước Hiệp	15,96	53%	18.731	234%				X
3	Xã Phước Hòa	20,10	67%	18.644	233%				X
4	Xã Phước Hưng	10,24	34%	15.080	189%				X
5	Xã Phước Lộc	11,85	39%	18.582	232%				X
6	Xã Phước Nghĩa	6,72	22%	5.939	74%				X
7	Xã Phước Quang	10,83	36%	15.684	196%				X
8	Xã Phước Sơn	26,43	88%	28.145	352%				X
9	Xã Phước Thắng	14,13	47%	1651	146%				X
10	Xã Phước Thành	35,45	71%	13.638	273%	X			X
11	Xã Phước Thuận	22,57	75%	20.954	262%				X
12	Thị trấn Tuy Phước	6,50	22%	17.040	213%				X
13	Thị trấn Diêu Trì	5,73	19%	14.939	187%				X

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
XI	HUYỆN VÂN CANH (07 đơn vị)								
	Các xã, thị trấn:								
1	Canh Hiền	36,67	73%	3.512	70%	X			X
2	Canh Hiệp	127,51	255%	2.762	221%	X			
3	Canh Hòa	48,10	96%	2.345	188%	X			X
4	Canh Liên	384,17	768%	2.917	292%	X			
5	Canh Thuận	83,63	167%	3.880	310%	X			
6	Canh Vinh	99,57	199,1%	10.241	205%	X			
7	Thị trấn Vân Canh	19,49	39%	7.382	148%	X			X

Ghi chú: Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

TỈNH BÌNH ĐỊNH

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)



Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
I	THÀNH PHỐ QUY NHƠN (01 đơn vị)							
1	Xã Nhơn Châu	3,62	60%	2.350	147%		X	

Ghi chú: Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.



THÔNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I		THÀNH PHỐ QUY NHƠN								
1	Các xã									
1.1	Xã Nhơn Châu	Xã Nhơn Châu	0	3,62	60%	2.350	73%		x	
2	Các phường									
2.1	Phường Quy Nhơn	Phường Hải Cảng, phường Thị Nại, phường Trần Phú và phường Đồng Đa	3	21,78	396%	129.326	616%			
2.2	Phường Quy Nhơn Đông	Xã Nhơn Hội, xã Nhơn Lý, xã Nhơn Hải và phường Nhơn Bình	3	81,97	1490%	47.067	224%			
2.3	Phường Quy Nhơn Tây	Phường Bùi Thị Xuân và xã Phước Mỹ	1	118,63	2157%	24.859	118%			
2.4	Phường Quy Nhơn Nam	Phường Ngô Mây, Phường Nguyễn Văn Cừ, phường Quang Trung và phường Ghềnh Ráng	3	36,36	661%	73.296	349%			
2.5	Phường Quy Nhơn Bắc	Phường Trần Quang Diệu và phường Nhơn Phú	1	23,7	431%	45.746	218%			
II		THỊ XÃ AN NHƠN								

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	Các xã									
1.1	Xã An Nhơn Tây	Xã Nhơn Lộc và xã Nhơn Tân	1	75,5	252%	20.178	126%			
2	Các phường									
2.1	Phường Bình Định	Phường Bình Định, phường Nhơn Khánh và phường Nhơn Phúc	2	25,16	457%	42.768	204%			
2.2	Phường An Nhơn	Phường Đập Đá, xã Nhơn Mỹ và xã Nhơn Hậu	2	34,62	629%	49.408	235%			
2.3	Phường An Nhơn Đông	Phường Nhơn Hưng và xã Nhơn An	1	17,21	313%	26.443	126%			
2.4	Phường An Nhơn Nam	Phường Nhơn Hòa và xã Nhơn Thọ	1	60,05	1092%	31.651	151%			
2.5	Phường An Nhơn Bắc	Phường Nhơn Thành, xã Nhơn Phong và xã Nhơn Hạnh	2	31,95	581%	38.484	183%			
III		THỊ XÃ HOÀI NHƠN								
	Các phường									
1	Phường Bồng Sơn	Phường Bồng Sơn và phường Hoài Đức	1	81,11	1475%	41.435	197%			
2	Phường Hoài Nhơn	Phường Hoài Thanh, phường Tam Quan Nam và phường Hoài Thanh Tây	2	40,32	733%	43.167	206%			
3	Phường Tam Quan	Phường Tam Quan và xã Hoài Châu	1	29,82	542%	24.858	118%			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
4	Phường Hoài Nhơn Đông	Phường Hoài Hương, xã Hoài Hải và xã Hoài Mỹ	2	64,36	1170%	44.634	213%			
5	Phường Hoài Nhơn Tây	Phường Hoài Hảo và xã Hoài Phú	1	78,15	1421%	25.572	122%			
6	Phường Hoài Nhơn Nam	Phường Hoài Tân và phường Hoài Xuân	1	37,67	685%	32.707	156%			
7	Phường Hoài Nhơn Bắc	Phường Tam Quan Bắc, xã Hoài Sơn và xã Hoài Châu Bắc	2	89,45	1626%	44.581	212%			
IV		HUYỆN PHÙ CÁT								
	Các xã									
1	Xã Phù Cát	Thị trấn Ngô Mây, xã Cát Trinh và xã Cát Tân	2	83,96	280%	51.436	321%			
2	Xã Xuân An	Xã Cát Nhơn và xã Cát Tường	1	67,61	225%	30.502	191%			
3	Xã Ngô Mây	Xã Cát Hưng, xã Cát Thắng và xã Cát Chánh	2	61,42	205%	25.651	160%			
4	Xã Cát Tiến	Thị trấn Cát Tiến, xã Cát Thành và xã Cát Hải	2	103,36	345%	33.523	210%			
5	Xã Đề Gi	Thị trấn Cát Khánh, xã Cát Minh và xã Cát Tài	2	94,97	317%	45.550	285%			
6	Xã Hòa Hội	Xã Cát Hanh và xã Cát Hiệp	1	87,06	290%	26.133	163%			
7	Xã Hội Sơn	Xã Cát Lâm và xã Cát Sơn	1	182,34	182%	14.314	286%	x		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
V		HUYỆN PHÙ MỸ								
	Các xã									
1	Xã Phù Mỹ	Thị trấn Phù Mỹ, xã Mỹ Quang và xã Mỹ Chánh Tây	2	54,47	182%	28.496	178%			
2	Xã An Lương	Xã Mỹ Chánh, xã Mỹ Thành và xã Mỹ Cát	2	66,57	222%	37.958	237%			
3	Xã Bình Dương	Thị trấn Bình Dương, xã Mỹ Lợi và xã Mỹ Phong	2	65,81	219%	27.314	171%			
4	Xã Phù Mỹ Đông	Xã Mỹ An, xã Mỹ Thọ và xã Mỹ Thắng	2	85,62	285%	43.428	271%			
5	Xã Phù Mỹ Tây	Xã Mỹ Trinh và xã Mỹ Hòa	1	97,53	325%	18.543	116%			
6	Xã Phù Mỹ Nam	Xã Mỹ Tài và xã Mỹ Hiệp	1	85,1	284%	27.185	170%			
7	Xã Phù Mỹ Bắc	Xã Mỹ Đức, xã Mỹ Châu và xã Mỹ Lộc	2	100,98	337%	28.766	180%			
VI		HUYỆN TUY PHƯỚC								
	Các xã									
1	Xã Tuy Phước	Thị trấn Tuy Phước, Thị trấn Diêu Trì, xã Phước Thuận, xã Phước Nghĩa và xã Phước Lộc	4	53,37	178%	77.452	484%			
2	Xã Tuy Phước Đông	Xã Phước Sơn, xã Phước Hòa và xã Phước Thắng	2	60,66	202%	58.440	365%			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
3	Xã Tuy Phước Tây	Xã Phước An và xã Phước Thành	1	68,81	229%	36.006	225%			
4	Xã Tuy Phước Bắc	Xã Phước Hiệp, xã Phước Hưng và xã Phước Quang	2	37,03	123%	49.495	309%			
VII		HUYỆN TÂY SƠN								
	Các xã									
1	Xã Tây Sơn	Thị trấn Phú Phong, xã Tây Xuân và xã Bình Nghi	2	97,7	326%	48.945	306%			
2	Xã Bình Khê	Xã Tây Giang và xã Tây Thuận	1	151,83	506%	21.680	136%			
3	Xã Bình Phú	Xã Vĩnh An, xã Bình Tường và xã Tây Phú	2	200,46	200%	23.319	466%	x		
4	Xã Bình Hiệp	Xã Bình Thuận, xã Bình Tân và xã Tây An	2	161,23	537%	22.441	140%			
5	Xã Bình An	Xã Tây Vinh, xã Tây Bình, xã Bình Hòa và xã Bình Thành	3	80,97	270%	34.118	213%			
VIII		HUYỆN HOÀI ÂN								
	Các xã									
1	Xã Hoài Ân	Thị trấn Tăng Bạt Hổ, xã Ân Phong, xã Ân Đức và Xã Ân Tường Đông	3	115,72	386%	35.037	219%			
2	Xã Ân Tường	Xã Ân Tường Tây, xã Ân Hữu và xã Đak Mang	2	227,45	758%	18.582	116%			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
3	Xã Kim Sơn	Xã Ân Nghĩa và xã Bok Tới	1	202,7	203%	14.008	280%	x		
4	Xã Vạn Đức	Xã Ân Sơn, xã Ân Tín và xã Ân Thạnh	2	111,88	112%	21.617	432%	x		
5	Xã Ân Hào	Xã Ân Hào Tây, xã Ân Hào Đông và xã Ân Mỹ	2	95,46	318%	22.390	140%			
IX		HUYỆN VÂN CANH								
	Các xã									
1	Xã Canh Liên	Xã Canh Liên	0	331,67	332%	2.357	236%	x		
2	Xã Vân Canh	Thị trấn Vân Canh, xã Canh Thuận, xã Canh Hòa và Làng Canh Giao (<i>xã Canh Hiệp</i>)	2	208,75	209%	13.850	693%	x		
3	Xã Canh Vinh	Xã Canh Vinh, xã Canh Hiến và xã Canh Hiệp và Làng Canh Tiến (<i>xã Canh Liên</i>)	2	258,72	259%	16.832	337%	x		
X		HUYỆN VĨNH THẠNH								
	Các xã									
1	Xã Vĩnh Thạnh	Thị trấn Vĩnh Thạnh và xã Vĩnh Hào	1	164,76	165%	10.062	201%	x		
2	Xã Vĩnh Thịnh	Xã Vĩnh Hiệp và xã Vĩnh Thịnh	1	133,91	134%	10.839	217%	x		
3	Xã Vĩnh Quang	Xã Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Hòa và xã Vĩnh Quang	2	89,35	89%	9.074	181%	x		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
4	Xã Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Kim và xã Vĩnh Sơn	1	328,89	329%	6.029	603%	x		
XI		HUYỆN AN LÃO								
	Các xã									
1	Xã An Hòa	Xã An Hòa, xã An Quang và xã An Nghĩa (điều chỉnh)	1	101,48	101%	14.182	284%	x		
2	Xã An Lão	Thị trấn An Lão, xã An Tân và xã An Hưng	2	103,87	104%	10.703	214%	x		
3	Xã An Vinh	Xã An Trung, xã An Dũng và xã An Vinh	2	196,19	196%	6.522	652%	x		
4	Xã An Toàn	Xã An Toàn và xã An Nghĩa	1	295,34	295%	1.790	179%	x		

TỈNH BÌNH ĐỊNH



BẢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

ĐVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
Xã	115	0	1	114	41	1	74
Phường	28	0	0	28	17	0	11
Thị trấn	12	0	0	12	0	0	12
Tổng	155	0	1	154	58	1	97



THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG CBCC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ VÀ PHƯƠNG AN SẮP XẾP, BỐ TRÍ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	CẤP XÃ	1766	1768	0	2272	1627	1458	0	1930	448	287	0	1930
I	Thành phố Quy Nhơn	204	245	0	298	186	204	0	195	45	23	0	195
1	Các xã:												
1.1	Xã Nhơn Châu	12	11		14	11	8		9	2	1		9
2	Các phường:												
2.1	Pường Quy Nhơn	51	71		82	47	63		60	14	4		60
2.2	Pường Quy Nhơn Đông	48	43		61	44	37		45	15	6		45
2.3	Pường Quy Nhơn Tây	24	28		34	21	18		20	4	3		20
2.4	Pường Quy Nhơn Nam	45	61		70	41	54		41	7	7		41
2.5	Pường Quy Nhơn Bắc	24	31		37	22	24		20	3	2		20
II	Thị xã An Nhơn	180	168	0	223	163	126	0	180	60	44	0	180
1	Các xã:												
1.1	Xã An Nhơn Tây	24	18		25	21	16		23	10	6		23

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
2	Các phường:												
2.1	Phường Bình Định	36	32		44	32	26		38	11	12		38
2.2	Phường An Nhơn	36	38		48	33	27		35	12	4		35
2.3	Phường An Nhơn Đông	24	20		27	22	15		21	6	4		21
2.4	Phường An Nhơn Nam	24	28		36	22	17		27	8	4		27
2.5	Phường An Nhơn Bắc	36	32		43	33	25		36	13	14		36
III	Thị xã Hoài Nhơn	202	256	0	311	176	173	0	223	51	32	0	223
	Các phường:												
1	Phường Bồng Sơn	24	32		38	21	21		27	4	3		27
2	Phường Hoài Nhơn	36	46		57	33	31		43	9	2		43
3	Phường Tam Quan	24	31		38	20	20		32	7	4		32
4	Phường Hoài Nhơn Đông	34	40		48	29	31		35	14	11		35
5	Phường Hoài Nhơn Tây	24	30		37	21	20		23	5	3		23
6	Phường Hoài Nhơn Nam	24	31		38	22	19		29	3	6		29
7	Phường Hoài Nhơn Bắc	36	46		55	30	31		34	9	3		34
IV	Huyện Phù Cát	208	191	0	255	193	171	0	237	54	42	0	237
	Các xã:												
1	Xã Phù Cát	36	35		44	32	31		37	9	4		37
2	Xã Xuân An	23	20		29	21	17		27	7	4		27

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính giảm theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
3	Xã Ngô Mỹ	33	28		39	33	24		39	11	9		39
4	Xã Cát Tiến	35	33		43	33	31		38	3	8		38
5	Xã Đề Gi	36	34		46	33	32		44	13	9		44
6	Xã Hòa Hội	23	21		28	22	17		27	8	1		27
7	Xã Hội Sơn	22	20		26	19	19		25	3	7		25
V	Huyện Phù Mỹ	208	189	0	254	199	165	0	237	56	29	0	237
	Các xã:												
1	Xã Phù Mỹ	33	28		39	33	27		35	10	2		35
2	Xã An Lương	32	32		28	31	26		40	9	8		40
3	Xã Bình Dương	33	26		24	31	24		32	6	6		32
4	Xã Phù Mỹ Đông	33	32		43	31	27		42	13	2		42
5	Xã Phù Mỹ Tây	22	21		43	19	17		24	3	4		24
6	Xã Phù Mỹ Nam	22	20		36	21	17		25	7	1		25
7	Xã Phù Mỹ Bắc	33	30		41	33	27		39	8	6		39
VI	Huyện Tuy Phước	141	159	0	196	140	129	0	194	43	21	0	194
	Các xã:												
1	Xã Tuy Phước	54	56		70	53	47		69	13	7		69
2	Xã Tuy Phước Đông	32	39		47	32	28		47	10	5		47
3	Xã Tuy Phước Tây	22	27		33	22	20		32	12	4		32

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính giảm theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
4	Xã Tuy Phước Bắc	33	37		46	33	34		46	8	5		46
VII	Huyện Tây Sơn	174	151	0	205	153	138	0	183	40	18	0	183
	Các xã:												
1	Xã Tây Sơn	35	35		46	31	31		37	11	3		37
2	Xã Bình Khê	25	23		32	21	19		26	3	2		26
3	Xã Bình Phú	35	30		41	30	27		40	4	5		40
4	Xã Bình Hiệp	35	27		38	31	25		34	5	2		34
5	Xã Bình An	44	36		48	40	36		46	17	6		46
VIII	Huyện Hoài Ân	166	144	0	190	155	116	0	168	35	26	0	168
	Các xã:												
1	Xã Hoài Ân	46	38		51	43	28		44	10	3		44
2	Xã Ân Tường	32	30		38	30	24		35	12	7		35
3	Xã Kim Sơn	22	20		26	20	16		23	4	4		23
4	Xã Vạn Đức	33	28		38	32	23		36	3	6		36
5	Xã Ân Hào	33	28		37	30	25		30	6	6		30
IX	Huyện Vân Canh	77	74	0	95	65	64	0	83	16	18	0	83
	Các xã:												
1	Xã Canh Liên	11	11		14	10	10		11		1		11

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính giảm theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
2	Xã Vân Canh	33	30		39	27	26		36	5	6		36
3	Xã Canh Vinh	33	33		42	28	28		36	11	11		36
X	Huyện Vĩnh Thạnh	94	94	0	116	89	79	0	105	16	12	0	105
	Các xã:												
1	Xã Vĩnh Thạnh	21	21		26	21	16		24	2	1		24
2	Xã Vĩnh Thịnh	20	20		24	19	18		22	5	4		22
3	Xã Vĩnh Quang	30	30		36	30	28		34	4	5		34
4	Xã Vĩnh Sơn	23	23		30	19	17		25	5	2		25
XI	Huyện An Lão	112	97	0	129	108	93	0	125	32	22	0	125
	Các xã:												
1	Xã An Hòa	23	22		28	22	22		27	7	4		27
2	Xã An Lão	33	29		38	32	28		36	9	5		36
3	Xã An Vinh	34	28		39	33	26		39	8	5		39
4	Xã An Toàn	22	18		24	21	17		23	8	8		23
B	CẤP HUYỆN	199	1344	10641	0	193	1189	10230	0	45	119	344	0
	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện bố trí về cấp xã	199	1344	10641	0	193	1189	10230	0	45	119	344	0
C	TỔNG CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	1.965	3.112	10.641	2.272	1.820	2.647	10.230	1.930	493	406	344	1.930

**PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ CÔNG TẠI CÁC ĐVHC CẤP XÃ SAU SẮP XẾP***(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)*

STT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
1	Phường Quy Nhơn	21	12	9		6	3			
2	Phường Quy Nhơn Đông	4	1	3			3			
3	Phường Quy Nhơn Tây	2	1	1			1			
4	Phường Quy Nhơn Nam	5	2	3		2	1			
5	Phường Quy Nhơn Bắc	2	1	1			1			
6	Xã Nhơn Châu	1	1							
7	Phường Bình Định	8	4	4			2	2		
8	Phường An Nhơn	3	1	2			1	1		
9	Phường An Nhơn Đông	2	1	1			1			
10	Xã An Nhơn Tây	2	1	1			1			
11	Phường An Nhơn Nam	2	1	1			1			
12	Phường An Nhơn Bắc	3	1	2			1	1		
13	Phường Bồng Sơn	22	7	5	10		2	3		

STT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
14	Phường Hoài Nhơn	3	1		2					
15	Phường Tam Quan	2	1		1					
16	Phường Hoài Nhơn Đông	3	1		2					
17	Phường Hoài Nhơn Tây	2	1		1					
18	Phường Hoài Nhơn Nam	2	1		1					
19	Phường Hoài Nhơn Bắc	3	1		2					
20	Xã Phù Cát	6	1		5					
21	Xã Xuân An	2	1		1					
22	Xã Ngô Mỹ	3	1		2					
23	Xã Cát Tiến	3	1		2					
24	Xã Đề Gi	3	1		2					
25	Xã Hòa Hội	2	1		1					
26	Xã Hội Sơn	2	1		1					
27	Xã Phù Mỹ	21	21							
28	Xã An Lương	3	3							
29	Xã Bình Dương	3	3							

STT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
30	Xã Phù Mỹ Đông	3	3							
31	Xã Phù Mỹ Tây	2	2							
32	Xã Phù Mỹ Nam	2	2							
33	Xã Phù Mỹ Bắc	3	3							
34	Xã Tuy Phước	15	2	13			5	8		
35	Xã Tuy Phước Đông	3	2	1			1			
36	Xã Tuy Phước Tây	2	2							
37	Xã Tuy Phước Bắc	3	2	1			1			
38	Xã Tây Sơn	18	11	6	1		3	3		
39	Xã Bình Khê	2	2							
40	Xã Bình Phú	3	3							
41	Xã Bình Hiệp	3	3							
42	Xã Bình An	4	4							
43	Xã Hoài Ân	17	2		15					
44	Xã Ân Tường	3	1		2					
45	Xã Kim Sơn	2	1		1					

STT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
46	Xã Vạn Đức	3	1		2					
47	Xã Ân Hảo	3	1		2					
48	Xã Canh Liên	1	1							
49	Xã Vân Canh	12	8	4			2	2		
50	Xã Canh Vinh	3	3							
51	Xã Vĩnh Thạnh	17	2	15			5	5	5	
52	Xã Vĩnh Thịnh	2	1	1			1			
53	Xã Vĩnh Quang	3		3			2	1		
54	Xã Vĩnh Sơn	2	2							
55	Xã An Toàn	2	1	1			1			
56	Xã An Hòa	3	1	2			1	1		
57	Xã An Lão	13	3	10			5	5		
58	Xã An Vinh	3	1	2			1	1		
	Tổng cộng	292	144	92	56	8	46	33	5	0